

**ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

-----

**CHUYÊN ĐỀ**  
**CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG**

## MỤC LỤC

<b>A. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>4</b>
<b>B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ .....</b>	<b>5</b>
<b>I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ .....</b>	<b>5</b>
1. Bối cảnh và tính tất yếu chuyển đổi số trong Ngành Kiểm tra Đảng.....	5
2. Tính tất yếu của công cuộc chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng .....	8
<b>II. NHẬN THỨC CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG.....</b>	<b>10</b>
1. Các khái niệm cơ bản.....	10
2. Cơ sở dữ liệu ngành Kiểm tra Đảng .....	10
3. Các khái niệm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" .....	11
<b>III. TẦM QUAN TRỌNG VÀ LỢI ÍCH CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG.....</b>	<b>12</b>
1. Nâng cao hiệu quả và tính chính xác.....	12
2. Tăng cường tính minh bạch và khách quan.....	12
3. Tiết kiệm thời gian và chi phí .....	13
4. Nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ .....	13
<b>IV. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHẠM VI CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG.....</b>	<b>13</b>
1. Các chương trình, kế hoạch.....	13
2. Quan điểm chỉ đạo .....	14
3. Mục tiêu chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng.....	15
4. Định hướng Chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng - Chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành kiểm tra Đảng .....	16
5. Chủ thể và phạm vi chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng.....	16
<b>V. CÁC TRỤ CỘT, GIẢI PHÁP VÀ CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG .....</b>	<b>18</b>
1. Đánh giá kết quả và thực tiễn CDS ngành Kiểm tra Đảng hiện nay.....	18
2. Các trụ cột chính để thực hiện chuyển đổi số thành công trong công tác kiểm tra Đảng .....	21
3. Các bước triển khai chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng.....	22
4. Các nhân tố quyết định thành công của công cuộc chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng.....	28
<b>VI. MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG .....</b>	<b>28</b>

1. Mô hình nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu .....	28
2. Mô hình sơ bộ công tác kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu .....	29
3. Mô hình phân cấp thực hiện.....	31
<b>VII. YÊU CẦU, NHIỆM VỤ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH KIỂM TRA ĐĂNG TRỌNG CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ.....</b>	<b>32</b>
1. Đổi mới tư duy, nhận thức .....	32
2. Hoàn thiện thể chế, quy định.....	33
3. Đầu tư hạ tầng công nghệ.....	34
4. Triển khai Hệ thống ứng dụng, nền tảng, dữ liệu số.....	34
5. Xây dựng, kết nối và khai thác dữ liệu .....	35
6. Bảo mật và An ninh thông tin .....	36
7. Điều hành kiểm tra giám sát trên môi trường số (IOC) .....	37
8. Ứng dụng công nghệ mới.....	37
9. Một số kinh nghiệm .....	38
<b>VIII. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025.....</b>	<b>40</b>
<b>IX. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGÀNH KIỂM TRA ĐĂNG TRỌNG CHUYÊN ĐỔI SỐ.....</b>	<b>41</b>
1. Nhóm năng lực chung .....	42
2. Nhóm năng lực chuyên môn .....	42
3. Nhóm năng lực lãnh đạo, quản lý.....	43
<b>X. GIÁM SÁT TRÊN DỮ LIỆU, KIỂM TRA TRÊN DỮ LIỆU.....</b>	<b>44</b>
1. Sự cần thiết và mục tiêu.....	44
2. Các nguyên tắc cơ bản .....	45
3. Nội dung triển khai.....	45
4. Thực hiện "Giám sát trên dữ liệu và kiểm tra trên dữ liệu" .....	46
5. Đào tạo, bồi dưỡng và nguồn nhân lực.....	47
6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện .....	47
<b>XI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH .....</b>	<b>47</b>
<b>XII. KẾT LUẬN.....</b>	<b>47</b>
<b>C. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH.....</b>	<b>49</b>
<b>D.TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>50</b>

## CHUYÊN ĐỀ

### CHUYÊN ĐỀ SỐ NGÀNH KIỂM ĐĂNG

#### A. THÔNG TIN CHUNG

**1. Đối tượng bồi dưỡng:** Cán bộ UBKT, cơ quan UBKT cấp tỉnh, cấp xã.

**2. Thời lượng:** 03 tiết (135 phút), gồm: Lý thuyết: 1,5 tiết (67,5 phút); Thảo luận, xử lý tình huống: 01 tiết (45 phút); Báo cáo thực tế: 0,5 tiết.

#### 3. Mục tiêu

##### 3.1. Mục tiêu chung

- Trang bị cho cán bộ, công chức trong ngành Kiểm tra những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, hiểu rõ vai trò, mục tiêu và nội dung thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng.

- Cung cấp một số nội dung thực tiễn, các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong giai đoạn từ nay đến năm 2025 để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

##### 3.2. Mục tiêu cụ thể

- Về nhận thức: Học viên cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tính tất yếu và vai trò then chốt của chuyển đổi số trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

- Về kiến thức: Nắm chắc các khái niệm cơ bản, nội dung trọng tâm và chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và ngành Kiểm tra Đảng về chuyển đổi số; hiểu rõ mô hình triển khai và các yêu cầu kỹ thuật, tổ chức thực hiện.

- Về năng lực: Xác định và bồi dưỡng các năng lực số thiết yếu đối với cán bộ làm công tác kiểm tra, như sử dụng phần mềm, xử lý và khai thác dữ liệu, bảo mật thông tin, ứng dụng công nghệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Về hành động: Vận dụng kiến thức từ chuyên đề để tích cực tham mưu, đề xuất và triển khai các giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chuyển đổi số của ngành Kiểm tra Đảng.

#### 4. Phương pháp giảng dạy, học tập

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần có những dẫn chứng, những ví dụ cụ thể để học viên hiểu kỹ hơn các nội dung trong chuyên đề

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học viên làm trung tâm kết hợp với việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy;

- Tăng cường thảo luận và giải quyết tình huống để học viên cùng học tập, rèn luyện, rút ra kinh nghiệm sau mỗi chuyên đề. Trong thảo luận trên lớp, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, gợi ý nhằm phát huy kinh nghiệm thực tế và khả năng giải quyết vấn đề của học viên; định hướng và kiểm soát để nội dung thảo luận bám sát mục tiêu bồi dưỡng.

## **B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ**

### **I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

#### **1. Bối cảnh và tính tất yếu chuyển đổi số trong Ngành Kiểm tra Đảng**

Lịch sử phát triển công nghệ của nhân loại được đánh dấu bằng các cuộc cách mạng công nghiệp, mỗi cuộc cách mạng đều mang lại những thay đổi sâu sắc về phương thức sản xuất, kinh tế và xã hội "Chuyển đổi số" chính là giai đoạn cao nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0).

##### **a) Ba cuộc cách mạng công nghiệp tiền thân**

##### **(1) Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (Hơi nước - Thủy lực):**

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (Cơ khí hóa) bắt đầu vào năm 1784. Cuộc cách mạng công nghiệp này được đánh dấu bởi dấu mốc quan trọng là việc James Watt phát minh ra động cơ hơi nước năm 1784. Phát minh vĩ đại này đã châm ngòi cho sự bùng nổ của công nghiệp thế kỷ 19 lan rộng từ Anh đến châu Âu và Hoa Kỳ.

Đặc trưng: Bắt đầu từ cuối thế kỷ 18 với sự phát minh ra động cơ hơi nước và cơ giới hóa sản xuất. Sức người và sức nước được thay thế bằng máy móc, dẫn đến sự ra đời của nhà máy và sản xuất hàng loạt.

Tác động: Thay đổi cơ bản phương thức sản xuất thủ công, hình thành các ngành công nghiệp dệt may, khai khoáng.

##### **(2) Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (Điện khí hóa - Sản xuất hàng loạt):**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (Công nghiệp hóa): diễn ra từ khoảng năm 1870 đến khi Thế Chiến I nổ ra. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra khi có sự phát triển của ngành điện, vận tải, hóa học, sản xuất thép, và (đặc biệt) là sản xuất và tiêu dùng hàng loạt. Cuộc CMCN lần thứ 2 đã tạo nên những tiền đề mới và cơ sở vững chắc để phát triển nền công nghiệp ở mức cao hơn nữa.

Đặc trưng: sự phổ biến của điện năng và dây chuyền lắp ráp. Sản xuất trở nên hiệu quả hơn rất nhiều, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Tác động: Nâng cao năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm tiêu dùng đại trà, hình thành các tập đoàn công nghiệp lớn.

### (3) Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (Tự động hóa - Tin học hóa):

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (Tự động hóa): Xuất hiện vào khoảng từ 1969, với sự ra đời và lan tỏa của công nghệ thông tin (CNTT), sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Cuộc cách mạng này thường được gọi là cuộc cách mạng máy tính hay cách mạng số bởi vì nó được xúc tác bởi sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính, máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và Internet (thập niên 1990). Cuộc cách mạng này đã tạo điều kiện tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực xã hội, cho phép chi phí tương đối ít hơn các phương tiện sản xuất để tạo ra cùng một khối lượng hàng hóa tiêu dùng.

Đặc trưng: Sự ra đời của máy tính cá nhân, internet và điện tử hóa sản xuất. Các hệ thống điều khiển tự động được áp dụng rộng rãi, giảm sự can thiệp của con người vào quy trình sản xuất.

Tác động: Tự động hóa nhiều quy trình trong sản xuất và văn phòng, tạo nền tảng cho sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông. Đây là bước đệm quan trọng để đi đến chuyển đổi số.

### b) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các giai đoạn của chuyển đổi số

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Thông minh hóa): Xuất phát từ khái niệm “Industrie 4.0” trong một báo cáo của chính phủ Đức năm 2013. “Industrie 4.0” kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa Công nghiệp, Kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong. Những yếu tố cốt lõi của Kỹ thuật số trong CMCN 4.0 sẽ là: (1) Trí tuệ nhân tạo (AI), (2) Vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT) và (3) dữ liệu lớn (Big Data). Trên lĩnh vực công nghệ sinh học, Cách mạng Công nghiệp 4.0 tập trung vào nghiên cứu để tạo ra những bước nhảy vọt trong Nông nghiệp, Thủy sản, Y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa học và vật liệu. Cuối cùng là lĩnh vực Vật lý với robot thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, các vật liệu mới (graphene, skyrmions...) và công nghệ nano.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, hay còn gọi là kỷ nguyên số, không chỉ đơn thuần là việc áp dụng công nghệ, mà là sự hợp nhất của các công nghệ, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học. "Chuyển đổi số" chính là trọng tâm của cuộc cách mạng này, bao gồm ba giai đoạn chính như sau:

#### (1) Giai đoạn 1: Số hóa (Digitization)

- Bản chất: Là quá trình chuyển đổi thông tin từ định dạng vật lý (analog) sang

định dạng kỹ thuật số (digital). Đây là bước đầu tiên và cơ bản nhất, tạo ra các "dữ liệu số".

- Ví dụ: Quét các tài liệu giấy (hồ sơ đảng viên, biên bản kiểm tra, đơn thư) thành file PDF, Word; chuyển đổi hình ảnh, âm thanh từ băng đĩa sang định dạng số.

- Ý nghĩa: Dữ liệu số dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ và xử lý bằng máy tính hơn so với dữ liệu vật lý. Nó tạo ra nền tảng dữ liệu cho các giai đoạn tiếp theo.

## **(2) Giai đoạn 2: Ứng dụng số hóa / Điện tử hóa (Digitalization)**

- Bản chất: Là việc sử dụng các công nghệ số và dữ liệu đã được số hóa để cải thiện, tối ưu hóa hoặc tự động hóa các quy trình, nghiệp vụ hiện có. Giai đoạn này tập trung vào việc làm cho các quy trình hiệu quả hơn, nhanh hơn và ít tốn kém hơn.

- Ví dụ: Thay vì gửi công văn giấy, sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử; sử dụng phần mềm để quản lý hồ sơ kiểm tra thay vì sổ sách thủ công; triển khai họp trực tuyến thay vì họp trực tiếp.

- Ý nghĩa: Tăng cường hiệu suất và năng suất hoạt động, giảm thiểu các công việc thủ công, lặp lại. Đây là việc áp dụng công nghệ số vào quy trình hiện có.

## **(3) Giai đoạn 3: Chuyển đổi số (Digital Transformation)**

- Bản chất: Là sự thay đổi toàn diện, mang tính chiến lược và căn bản về cách thức một tổ chức hoạt động, cách tạo ra giá trị, và cách tương tác với các đối tượng bên ngoài, dựa trên việc tích hợp sâu rộng công nghệ số vào mọi khía cạnh. Nó đòi hỏi sự thay đổi về tư duy, văn hóa, mô hình tổ chức và năng lực con người.

- Ví dụ:

Trong ngành Kiểm tra Đảng: Không chỉ là quản lý hồ sơ điện tử, mà là xây dựng "Cơ quan kiểm tra số" (như Đề án 204 đề cập), nơi các hoạt động kiểm tra, giám sát được tiến hành dựa trên việc phân tích dữ liệu lớn (Big Data), ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện xu hướng vi phạm, dự báo rủi ro, và đưa ra quyết định một cách khoa học, khách quan hơn.

Việc chuyển từ "kiểm tra trên giấy" sang "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu" là một biểu hiện rõ nét của chuyển đổi số, đòi hỏi cán bộ phải có tư duy dữ liệu và kỹ năng phân tích sâu sắc.

Ý nghĩa: Tạo ra một mô hình hoạt động hoàn toàn mới, tối ưu hóa từ gốc đến ngọn, nâng cao năng lực thích ứng, đổi mới sáng tạo và tạo ra những giá trị chưa từng có. Đây là sự thay đổi mang tính chiến lược và văn hóa.

Từ hơi nước đến điện khí hóa, rồi đến tự động hóa, mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đều là một bước tiến vượt bậc trong năng lực sản xuất và quản lý. Chuyển đổi

số, ở thời đại CMCN 4.0, là bước tiến cao nhất, không chỉ giúp làm việc hiệu quả hơn mà còn tái định hình lại cách chúng ta làm việc và sống, tạo ra những khả năng mới mẻ và đột phá mà các giai đoạn trước không thể có được. Đối với ngành Kiểm tra Đảng, đây là cơ hội để hiện đại hóa toàn diện, nâng cao năng lực "tai mắt" của Đảng, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

## **2. Tính tất yếu của công cuộc chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng**

### **2.1. Yêu cầu từ tác động của cuộc CMCN 4.0 và công nghệ số**

- Sự bùng nổ của công nghệ: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ với sự phát triển như vũ bão của các công nghệ cốt lõi như: (1) Trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra khả năng học hỏi, phân tích, nhận diện và tự động hóa các tác vụ phức tạp, từ xử lý ngôn ngữ tự nhiên đến phân tích hình ảnh, dự báo; (2) Dữ liệu lớn (Big Data) hình thành khả năng thu thập, lưu trữ, xử lý và phân tích lượng lớn dữ liệu để tìm ra các xu hướng, mối quan hệ ẩn giấu, cung cấp cái nhìn sâu sắc; (3) Điện toán đám mây (Cloud Computing) cung cấp hạ tầng linh hoạt, khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu mạnh mẽ, cho phép truy cập mọi lúc mọi nơi; (4) Chuỗi khối (Blockchain) là công nghệ tạo ra các sổ cái phân tán, bất biến, minh bạch và an toàn, có tiềm năng ứng dụng trong việc xác thực thông tin, hồ sơ; (5) Internet vạn vật (IoT) tạo ra khả năng kết nối các thiết bị, cảm biến để thu thập dữ liệu thời gian thực, tạo ra một hệ sinh thái thông minh.

- Thay đổi căn bản phương thức hoạt động: Các công nghệ này không chỉ hỗ trợ mà còn làm thay đổi căn bản cách thức vận hành của các tổ chức, doanh nghiệp và bộ máy nhà nước, từ quản lý hành chính đến cung cấp dịch vụ, từ sản xuất đến tiêu dùng. Nó tạo ra một môi trường số hóa, kết nối và thông minh hơn.

- Nhu cầu hội nhập và cạnh tranh: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc ứng dụng công nghệ số là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế và tận dụng các cơ hội phát triển mới.

### **2.2. Yêu cầu khách quan về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng và Ngành Kiểm tra Đảng**

#### **a) Yêu cầu từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng:**

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng: Đảng ta đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng toàn diện.

- Minh bạch hóa và công khai: Công nghệ số giúp tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền, đáp ứng mong mỏi của nhân dân về một nền quản trị liêm chính, hiệu quả.

- Cải cách hành chính trong Đảng: Số hóa các quy trình, hồ sơ, tài liệu giúp tinh gọn bộ máy, giảm thiểu thủ tục rườm rà, tiết kiệm thời gian và chi phí.

b) Tính đặc thù và cấp thiết đối với Ngành Kiểm tra Đảng:

- Đối tượng vi phạm ngày càng tinh vi, phức tạp: Các hành vi tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ngày càng được che đậy tinh vi, liên quan đến nhiều lĩnh vực, và thường sử dụng công nghệ cao để che giấu. Điều này đòi hỏi công tác kiểm tra phải có công cụ sắc bén hơn, khả năng phân tích dữ liệu lớn để "đãi cát tìm vàng".

- Khối lượng thông tin khổng lồ: Ngành Kiểm tra Đảng phải xử lý một lượng lớn thông tin từ nhiều nguồn khác nhau (báo cáo, đơn thư, kết quả thanh tra, kiểm toán, thông tin công khai...) và nhiều nguồn thông tin "phi truyền thống" trong tương lai (phản ánh, kiến nghị, facebook, tiktok...). Việc xử lý thủ công rất tốn kém thời gian, công sức và dễ bỏ sót thông tin quan trọng.

- Yêu cầu về tốc độ và hiệu quả: Áp lực từ thực tiễn đòi hỏi công tác kiểm tra phải nhanh chóng, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, không để kéo dài, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Nâng cao tính khách quan, khoa học: Chuyển đổi số giúp giảm thiểu yếu tố chủ quan trong quá trình phân tích, đánh giá, đưa ra kết luận kiểm tra. Dữ liệu số, bằng chứng số có độ tin cậy và tính khách quan cao hơn.

- Tối ưu hóa nguồn lực: Với nguồn lực còn hạn chế, chuyển đổi số giúp ngành Kiểm tra Đảng phân bổ hiệu quả hơn, tập trung vào những vấn đề trọng yếu, nâng cao năng suất lao động của cán bộ.

- Xây dựng "Cơ quan kiểm tra số": Mục tiêu hướng tới một cơ quan kiểm tra hiện đại, thông minh, vận hành trên nền tảng số, lấy dữ liệu làm cơ sở và công nghệ làm công cụ để nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh với vi phạm.

Tóm lại, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng không chỉ là đáp ứng xu thế chung mà còn là yêu cầu nội tại, cấp bách để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của ngành, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân. Chuyển đổi số đang trở thành xu thế lớn, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong Đảng, chuyển đổi số là một bước đi chiến lược nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. Đặc biệt, với ngành Kiểm tra Đảng - lĩnh vực mang tính chính trị, pháp lý và nghiệp vụ sâu sắc, chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu của thời đại

mà còn là đòi hỏi nội tại để tăng cường tính chính xác, minh bạch, kịp thời, khách quan và khoa học trong các hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật.

## **II. NHẬN THỨC CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG**

### **1. Các khái niệm cơ bản**

- Chuyển đổi số<sup>1</sup>: Trên thế giới, cách hiểu phổ biến nhất về chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách con người sống, làm việc và liên hệ với nhau. Hiểu đơn giản, chuyển đổi số là việc chúng ta đưa mọi hoạt động lên môi trường mạng, môi trường kỹ thuật số, thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và giao tiếp.

- Dữ liệu số: Dữ liệu số là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số<sup>2</sup>; có thể thể hiện cụ thể là các bit 0 và 1 để máy tính có thể đọc, xử lý và lưu trữ.

- Cơ sở dữ liệu (Database): Là một tập hợp các dữ liệu có tổ chức, được lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống trên các hệ thống máy tính. CSDL được thiết kế để lưu trữ, quản lý, truy xuất và cập nhật dữ liệu một cách hiệu quả, phục vụ cho các ứng dụng và mục đích sử dụng khác nhau.

- Big data (Dữ liệu lớn) là một thuật ngữ cho việc xử lý một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp mà các ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không xử lý được<sup>3</sup>.

- Trí tuệ nhân tạo (tiếng Anh: Artificial intelligence, viết tắt: AI) là khả năng của các hệ thống máy tính thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến trí thông minh của con người, như học tập, suy luận, giải quyết vấn đề, nhận thức và đưa ra quyết định (theo Bách khoa toàn thư mở).

### **2. Cơ sở dữ liệu ngành Kiểm tra Đảng**

- Cơ sở dữ liệu ngành Kiểm tra Đảng là một hệ thống dữ liệu số có tổ chức, được xây dựng và quản lý tập trung, chuyên biệt để lưu trữ toàn bộ các thông tin, hồ sơ, văn bản, và quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

- Dựa trên các nội dung đã được đề cập trong chuyên đề về chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng, cơ sở dữ liệu này được kỳ vọng sẽ bao gồm:

<sup>1</sup> Những nội dung cơ bản về chuyển đổi số hỏi và đáp- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.

<sup>2</sup> Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2025 của Quốc hội.

<sup>3</sup> Theo Bách khoa toàn thư mở.

+ Dữ liệu về tổ chức đảng và đảng viên: Bao gồm thông tin lý lịch, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật của từng đảng viên và thông tin về các tổ chức đảng ở các cấp. Đây là nền tảng cơ bản để quản lý và nắm bắt thông tin về đối tượng kiểm tra.

+ Dữ liệu về các vụ việc vi phạm và kết quả xử lý kỷ luật: Chi tiết các vụ việc đã được kiểm tra, giám sát, kết luận vi phạm, các hình thức kỷ luật đã được áp dụng, quá trình thi hành kỷ luật và kết quả thực hiện. Điều này giúp theo dõi và đánh giá hiệu quả công tác kỷ luật.

+ Dữ liệu về các cuộc kiểm tra, giám sát: Bao gồm kế hoạch kiểm tra, quyết định thành lập đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, biên bản làm việc, kết luận kiểm tra, và các văn bản liên quan khác.

+ Dữ liệu pháp lý và nghiệp vụ: Các văn bản quy phạm của Đảng, quy định, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cấp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.

+ Dữ liệu tổng hợp, thống kê: Các báo cáo định kỳ, số liệu tổng hợp về các loại hình vi phạm, kết quả kiểm tra, giám sát theo từng thời kỳ, từng cấp độ.

- Mục tiêu chính của việc xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Kiểm tra Đảng:

+ Tập trung hóa thông tin: Giúp các cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp dễ dàng truy cập và khai thác thông tin một cách nhanh chóng, chính xác.

+ Nâng cao hiệu quả nghiệp vụ: Hỗ trợ quá trình phân tích, tổng hợp, đánh giá, dự báo các dấu hiệu vi phạm, giúp công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ động, kịp thời, chính xác và khách quan hơn.

+ Đảm bảo tính "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung": Đây là các nguyên tắc cốt lõi để cơ sở dữ liệu thực sự là tài sản quý giá, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

+ Là nền tảng cho "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu": Hướng tới một mô hình làm việc hiện đại, nơi các quyết định và hành động nghiệp vụ được dựa trên phân tích dữ liệu và các công nghệ số tiên tiến.

Việc xây dựng CSDL ngành Kiểm tra Đảng là một trụ cột quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số của ngành, nhằm hướng tới một "Cơ quan kiểm tra số" hiện đại và hiệu quả.

### **3. Các khái niệm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"**

- Đúng: Dữ liệu phải phản ánh chính xác, chân thực sự việc, đối tượng mà nó đại diện. Không có sai sót về mặt thông tin, số liệu, văn bản. Đây là yếu tố cốt lõi tạo nên độ tin cậy của dữ liệu.

- **Đủ:** Dữ liệu phải có đầy đủ thông tin cần thiết, không thiếu hụt để có thể mô tả toàn diện một vấn đề, đối tượng, hoặc sự kiện, phục vụ mục đích sử dụng. Không thiếu bất kỳ trường thông tin hay yếu tố quan trọng nào.

- **Sạch:** Dữ liệu không chứa các lỗi như trùng lặp, định dạng sai, không nhất quán, thiếu giá trị, hoặc các giá trị không hợp lệ. Dữ liệu đã được chuẩn hóa và không chứa các thông tin thừa, sai lệch

- **Sống:** Dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên, kịp thời, phản ánh tình trạng hiện tại hoặc gần nhất của đối tượng. Dữ liệu “sống” là dữ liệu động, không phải thông tin đã lỗi thời.

- **Thông nhất:** Dữ liệu phải được lưu trữ và thể hiện theo một chuẩn mực, quy tắc nhất quán trên toàn hệ thống hoặc trong toàn bộ tổ chức, không có sự mâu thuẫn về định nghĩa, định dạng hay cách mã hóa.

- **Dùng chung:** Dữ liệu phải có khả năng được chia sẻ, truy cập và sử dụng bởi nhiều đơn vị, bộ phận khác nhau trong một hệ thống hoặc tổ chức, trên cơ sở phân quyền và bảo mật.

### **III. TẦM QUAN TRỌNG VÀ LỢI ÍCH CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG**

Chuyển đổi số mang lại những lợi ích to lớn, thay đổi căn bản cách thức hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng:

#### **1. Nâng cao hiệu quả và tính chính xác**

- **Phân tích dữ liệu lớn:** Giúp phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, rủi ro, hành vi vi phạm có hệ thống thông qua việc phân tích hàng loạt dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau (ví dụ: dữ liệu tài chính, dữ liệu cán bộ, dữ liệu công khai trên môi trường số).

- **Tự động hóa quy trình:** Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, chuẩn bị báo cáo, giúp cán bộ tập trung vào các công việc chuyên môn sâu hơn thay vì các công việc thủ công, lặp lại.

- **Cải thiện chất lượng báo cáo và đánh giá:** Dữ liệu được tổng hợp, phân tích một cách khoa học giúp các kết luận kiểm tra trở nên khách quan, có căn cứ vững chắc hơn.

#### **2. Tăng cường tính minh bạch và khách quan**

- **Lưu trữ và quản lý hồ sơ điện tử:** Đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật và khả năng truy xuất nhanh chóng các tài liệu, bằng chứng, giúp công tác kiểm tra trở nên rõ ràng, minh bạch hơn.

- **Giảm thiểu yếu tố chủ quan:** Các thuật toán và công nghệ số giúp loại bỏ hoặc giảm thiểu sự can thiệp của yếu tố cảm tính, ý chí chủ quan trong quá trình phân tích và ra quyết định.

- Minh bạch trong công bố thông tin: Khi phù hợp, việc ứng dụng công nghệ số có thể giúp công bố các thông tin liên quan đến kết quả kiểm tra (trong khuôn khổ cho phép) một cách nhanh chóng và công khai.

### **3. Tiết kiệm thời gian và chi phí**

- Giảm thiểu việc đi lại, in ấn: Thúc đẩy môi trường làm việc không giấy tờ, giao ban trực tuyến, giảm chi phí hành chính.

- Tối ưu hóa nguồn lực: Phân bổ nhân sự hợp lý hơn, tập trung vào những nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi chuyên môn cao.

### **4. Nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ**

- Đổi mới tư duy: Buộc cán bộ phải thích nghi với môi trường làm việc mới, chủ động học hỏi các kỹ năng số.

- Tạo môi trường làm việc hiện đại: Hấp dẫn và giữ chân cán bộ có năng lực, tạo điều kiện để cán bộ phát huy tối đa khả năng.

## **IV. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHẠM VI CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐĂNG**

### **1. Các chương trình, kế hoạch**

(1) Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

(2) Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

(3) Quyết định số 205-QĐ/TW, ngày 16/12/2024 của Ban Bí thư về ban hành Kiến trúc chuyển đổi số thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 2.0;

(4) Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

(5) Các thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

(6) Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) về thúc đẩy chuyển đổi số nhanh, đồng bộ, hiệu quả đáp ứng yêu cầu cải cách bộ máy;

(7) Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai thực hiện Chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

(8) Các Kế hoạch của Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Kế hoạch số 222-KH/UBKTTW, ngày 24/3/2025 về chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng; Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW, ngày 04/4/2025 về giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Kế hoạch số 227-KH/UBKTTW, ngày 23/4/2025 về giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

*2.1. Tính tất yếu và cấp bách:* Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, khách quan trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc chuyên môn và xây dựng văn hóa làm việc trên môi trường số trong các cơ quan Đảng.

*2.2. Người đứng đầu chịu trách nhiệm - truyền cảm hứng:* Người đứng đầu ủy ban kiểm tra các cấp phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, địa phương mình đồng thời là người truyền cảm hứng cho công tác chuyển đổi số.

*2.3. Quyết liệt, khẩn trương:* Phải hành động với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thống nhất, khẩn trương, xác định đây là nhiệm vụ cấp bách. Chuyển đổi số là hoạt động khá mới và nhiều thử thách, đòi hỏi sự quyết tâm, quyết liệt của cấp ủy các cấp và sự nỗ lực của cán bộ, công chức. Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vì “níu kéo lợi ích” mà cố tình chậm trễ, dậm dera không thực hiện chuyển đổi số.

*2.4. Đồng bộ, toàn diện:* Các chương trình, kế hoạch, mục tiêu... phải được quán triệt và triển khai thống nhất trong toàn ngành, từ Trung ương đến địa phương, giữa các khối Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cụ thể hóa và phù hợp với thực tiễn: Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới cần kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn triển khai sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phù hợp với tình hình địa phương.

*2.5. Thực chất, hiệu quả:* Chấm dứt triệt để tình trạng triển khai hình thức. Mọi giải pháp phải hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo.

2.6. *Trách nhiệm rõ ràng*: Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp với kết quả thực hiện. Kết quả chuyển đổi số phải được xem là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

2.7. *An ninh thông tin, bảo mật*: Xác định rõ an ninh thông tin và bảo mật là tiên quyết trong công tác chuyển đổi số. Cấp ủy các đơn vị phải thường xuyên đánh giá, rà soát, chủ động phối hợp và tuân thủ tuyệt đối các quy định, tiêu chuẩn của cơ quan chuyên trách về an ninh thông tin và bảo mật.

### **3. Mục tiêu chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng**

(1) Xây dựng ngành Kiểm tra Đảng hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động minh bạch, hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

- Hình thành môi trường làm việc điện tử, giảm thủ tục hành chính nội bộ, rút ngắn thời gian xử lý công việc.

- Tạo hệ sinh thái số trong công tác kiểm tra Đảng, gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số toàn hệ thống chính trị.

(2) Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường tính chính xác, kịp thời, khách quan trong xử lý thông tin, phân tích, đánh giá, ra quyết định.

- Rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm thủ tục hành chính nội bộ.

(3) Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Chuyển từ phương thức làm việc truyền thống sang môi trường số, số hóa quy trình nghiệp vụ.

- Tăng cường tính liên thông, kết nối, giám sát từ xa, giúp lãnh đạo nắm bắt tình hình mọi lúc, mọi nơi.

(4) Tăng cường công khai, minh bạch, phòng ngừa sai phạm

- Quản lý dữ liệu, hồ sơ kiểm tra, giám sát, kỷ luật tập trung, minh bạch, có truy vết.

- Hạn chế tiêu cực, can thiệp thủ công, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

(5) Phát triển năng lực và văn hóa số trong ngành Kiểm tra Đảng

- Hình thành đội ngũ cán bộ kiểm tra có tư duy, kỹ năng số.

- Tạo dựng văn hóa đổi mới, sáng tạo, thích ứng với chuyển đổi số.

(6) Phục vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

- Là công cụ hỗ trợ đắc lực để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

- Gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, chính phủ số và xã hội số.

(7) Tiên phong, gương mẫu: Thực hiện thành công chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng sẽ là bước đi đột phá, thể hiện tinh thần tiên phong, gương mẫu trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về chuyển đổi số quốc gia.

#### **4. Định hướng Chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng - Chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành kiểm tra Đảng**

Chuyển đổi số toàn diện ngành Kiểm tra Đảng là một quá trình mang tính chiến lược, thay đổi căn bản về tư duy, phương pháp, quy trình và công cụ làm việc, nhằm xây dựng một ngành Kiểm tra hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Hình thành và triển khai Mô hình "Cơ quan kiểm tra số": Hướng tới một mô hình hoạt động dựa trên dữ liệu, với các quy trình nghiệp vụ được số hóa, tự động hóa, và có khả năng phân tích, dự báo. Mô hình này bao gồm các nền tảng cốt lõi về pháp lý, dữ liệu/nghiệp vụ, hạ tầng, bảo mật và nguồn lực; Cán bộ kiểm tra phải có tư duy số, kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin. Điều này đòi hỏi đào tạo liên tục về kiến thức CNTT, kỹ năng sử dụng công cụ số, phân tích dữ liệu, và ý thức về bảo mật.

Chuyển từ thủ công sang nền tảng dữ liệu số: Thay đổi phương thức quản lý, điều hành từ dựa trên giấy tờ, quy trình thủ công sang dựa trên nền tảng dữ liệu số và thông tin số hóa, chính xác, kịp thời; Thực hiện công tác "Giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu": Đây là sự chuyển đổi cốt lõi, từ việc xử lý vụ việc riêng lẻ sang phân tích, dự báo và thực hiện kiểm tra, giám sát trên cơ sở thông tin số hóa, giúp phát hiện sớm các nguy cơ sai phạm từ xa.

### **5. Chủ thể và phạm vi chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng**

#### **5.1. Chủ thể chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng**

- Ủy ban Kiểm tra các cấp: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, ủy ban kiểm tra cơ sở và ủy ban kiểm tra các đơn vị đặc thù (trong, ngoài nước).

- Toàn bộ cán bộ, công chức, kiểm tra viên, viên chức, người lao động ngành Kiểm tra Đảng các cấp.

## **5.2. Phạm vi chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng**

Phạm vi thực hiện chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng rất rộng lớn và toàn diện, bao trùm hầu hết các khía cạnh của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng. Mục tiêu là xây dựng một "Cơ quan kiểm tra số" hiện đại, minh bạch và hiệu quả, gồm:

### **5.2.1. Chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và nghiệp vụ nội bộ Ngành**

a) Văn phòng điện tử và Quản lý hành chính:

- Xây dựng môi trường làm việc không giấy tờ, áp dụng quản lý văn bản, hồ sơ điện tử.

- Triển khai chữ ký số, giao ban trực tuyến, hội nghị truyền hình.

- Quản lý lịch làm việc, công việc, và báo cáo nội bộ trên các nền tảng số.

b) Quản lý cán bộ, công chức:

- Số hóa và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức trong ngành (lý lịch, quá trình công tác, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật).

- Quản lý chế độ, chính sách, thi đua khen thưởng cho cán bộ bằng công nghệ số.

### **5.2.2. Chuyển đổi số trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng**

a) Quản lý và xử lý đơn thư:

- Tiếp nhận, phân loại, xử lý, và theo dõi đơn thư tố cáo, phản ánh trên hệ thống điện tử.

- Phân tích dữ liệu từ đơn thư để nhận diện các vấn đề nổi cộm, trọng tâm.

b) Lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ cho đoàn kiểm tra trên phần mềm.

- Quản lý và tổng hợp các thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra dưới dạng số.

- Theo dõi tiến độ, kết quả của từng cuộc kiểm tra, giám sát một cách tự động.

c) Xử lý và thi hành kỷ luật Đảng:

- Quản lý toàn bộ quy trình từ khi có dấu hiệu vi phạm đến khi ra quyết định kỷ luật và theo dõi việc thi hành kỷ luật trên hệ thống số.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các vụ việc vi phạm và kết quả xử lý kỷ luật.

d) Tổng hợp, báo cáo và phân tích:

- Tự động hóa việc tổng hợp số liệu, lập báo cáo thống kê về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics) và trí tuệ nhân tạo (AI) để: (1) Phân tích xu hướng vi phạm, nhận diện các rủi ro, điểm nóng; (2) Đề xuất các trường hợp cần kiểm tra trọng điểm dựa trên dữ liệu; (3) Hỗ trợ ra quyết định, kết luận kiểm tra một cách khách quan, có căn cứ.

đ) Hệ thống thông tin điều hành tập trung (IOC - Integrated Operations Center):

- Xây dựng một hệ thống điều hành tổng thể, tích hợp dữ liệu từ mọi hoạt động, cho phép lãnh đạo nắm bắt tình hình toàn diện, ra quyết định kịp thời.

- Hiện thị trực quan các chỉ số, biểu đồ, bản đồ về công tác kiểm tra, giám sát.

### **5.2.3. Phát triển và khai thác dữ liệu số toàn diện**

a) Số hóa toàn diện dữ liệu và hồ sơ: Chuyển đổi tất cả các loại hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng sang định dạng số.

b) Xây dựng Kho dữ liệu lớn (Big Data): Tập trung và chuẩn hóa dữ liệu từ các nguồn khác nhau (quản lý đảng viên, tài chính, đơn thư, kết quả kiểm tra...) để tạo thành một kho dữ liệu dùng chung, có giá trị cao.

c) Kết nối và liên thông dữ liệu: Đảm bảo khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu an toàn với các hệ thống thông tin khác của Đảng, Nhà nước (như dữ liệu về cán bộ, tài chính, tài sản, đất đai) khi được phép và phù hợp.

### **5.2.4. Nâng cao năng lực và năng suất lao động của cán bộ**

- Trang bị năng lực số cho toàn bộ cán bộ, từ kỹ năng sử dụng công cụ đến tư duy phân tích dữ liệu.

- Giúp cán bộ tập trung vào các công việc chuyên môn sâu, giảm các tác vụ thủ công, lặp lại.

Như vậy, phạm vi chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng không chỉ là việc áp dụng công nghệ vào từng công đoạn riêng lẻ, mà là một sự thay đổi tổng thể, có hệ thống, nhằm tối ưu hóa toàn bộ chuỗi giá trị của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong kỷ nguyên số.

## **V. CÁC TRỤ CỘT, GIẢI PHÁP VÀ CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG**

### **1. Đánh giá kết quả và thực tiễn CDS ngành Kiểm tra Đảng hiện nay**

#### **1.1. Một số kết quả chuyển đổi số Ngành trong thực hiện Đề án 204**

Thực hiện Đề án 204, công tác chuyển đổi số của Ngành Kiểm tra Đảng đã đạt đã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; đảm bảo theo đúng lộ trình của Nghị quyết 57, Đề án 204 và các thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. UBKT Trung ương đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tổng thể toàn Ngành; đồng thời xây dựng 18 quy trình nghiệp vụ lõi về kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng – là cơ sở quan trọng để tái cấu trúc toàn diện hoạt động nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên môi trường số. UBKT Trung ương cũng đã chỉ đạo quyết liệt việc số hóa tài liệu, hồ sơ trong toàn Ngành, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ trực tiếp cho kiểm tra, giám sát trên dữ liệu. Đến nay, UBKT Trung ương đã số hóa hơn 538.000 trang tài liệu, cập nhật 132 hồ sơ cán bộ đương chức; UBKT cấp tỉnh đã số hóa hơn 2,1 triệu trang tài liệu và hàng chục nghìn hồ sơ kiểm tra, giám sát, đơn thư.

UBKT các cấp đưa vào sử dụng 11 phần mềm ứng dụng, trong đó có 04 phần mềm do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao (Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; Sổ tay đảng viên; Hệ thống giám sát đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết 57; Theo dõi tiến trình và kết quả Đại hội các cấp; Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia) và 06 phần mềm do UBKT Trung ương triển khai (Hệ thống quản lý hồ sơ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và lập báo cáo thống kê; Quản lý đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh; Hệ thống theo dõi, tổng hợp báo cáo của các cơ quan tham mưu, vụ chuyên đề; Hệ thống quản lý thông tin cán bộ công chức, công tác thi đua - khen thưởng Ngành Kiểm tra Đảng; Hệ thống hỗ trợ phục vụ kỳ họp Ủy ban, Thường trực Ủy ban; Trang thông tin điện tử). Trong thời gian tới, UBKT Trung ương tập trung phát triển các phần mềm cốt lõi như: (1) Giám sát tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách; (2) Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về công tác kiểm tra, giám sát trên VNeID; (3) Bóc tách dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; (4) Thống kê số liệu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; (5) Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ diện cấp ủy quản lý. Dự kiến đưa vào sử dụng trong toàn ngành trong năm 2025.

## **1.2. Một số thách thức đối với công tác CDS của ngành Kiểm tra Đảng**

### **1.2.1. Thách thức về nhận thức và thói quen**

- Một bộ phận cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, UBKT cấp dưới, công chức ngành kiểm tra chưa thực sự coi trọng chuyển đổi số, chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng, tính tất yếu và bản chất của chuyển đổi số; còn xem đây là nhiệm vụ kỹ thuật, phụ trợ. Việc cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương chưa kịp thời, thiếu chiều sâu, còn hình thức.

Điều này dẫn tới sự thiếu quyết tâm, chủ động trong việc triển khai.

- Thói quen và quán tính làm việc truyền thống: Nhiều cán bộ vẫn còn thói quen làm việc thủ công, dựa trên giấy tờ, ngại thay đổi, e ngại tiếp cận công nghệ mới. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng các quy trình và hệ thống làm việc số.

- Thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn: Một số nơi chưa có chiến lược và lộ trình chuyển đổi số rõ ràng, cụ thể, mà mới chỉ dừng lại ở các ứng dụng công nghệ đơn lẻ, thiếu tính liên kết và đồng bộ.

### **1.2.2. Thách thức về hạ tầng, kinh phí**

- Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ và hiện đại: Hệ thống mạng, máy chủ, thiết bị đầu cuối ở một số nơi còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về tốc độ, dung lượng và bảo mật cho việc triển khai chuyển đổi số quy mô lớn.

- Hệ thống phần mềm, nền tảng chưa hoàn thiện: Các ứng dụng phần mềm chuyên ngành còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa có tính liên kết cao giữa các phân hệ và giữa các cấp. Các nền tảng dữ liệu dùng chung chưa được xây dựng hoàn chỉnh.

- Chi phí đầu tư lớn: Việc xây dựng và duy trì hạ tầng, phần mềm, và đảm bảo an ninh mạng đòi hỏi nguồn kinh phí đầu tư ban đầu và duy trì rất lớn.

**1.2.3. Thách thức về dữ liệu:** Chất lượng dữ liệu ban đầu không đồng bộ, thiếu thống nhất

- Dữ liệu chưa "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung": Đây là một thách thức lớn. Việc số hóa dữ liệu còn manh mún, chất lượng dữ liệu chưa cao (thiếu, sai lệch, không nhất quán), chưa được cập nhật thường xuyên, gây khó khăn cho việc khai thác và phân tích. Khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, các hệ thống còn hạn chế.

- Nhiều địa phương chưa xây dựng danh mục hồ sơ, phân loại tài liệu cần số hóa; chưa phân loại tài liệu theo cấp độ mật từ các cơ quan đảng; chưa xác định được các tài liệu sau khi số hóa sẽ sử dụng cho mục đích gì (lưu trữ, tái sử dụng dữ liệu cho các hệ thống thông tin...).

### **1.2.4. Thách thức về nguồn nhân lực**

- Năng lực số của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu: Mặc dù đã có các khóa đào tạo, nhưng trình độ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tư duy số của một bộ phận cán bộ, đặc biệt là cán bộ lớn tuổi, còn hạn chế.

- Một bộ phận cán bộ, công chức trong ngành Kiểm tra Đảng chưa thành thạo sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ, nhất là ở cấp xã. Việc ứng dụng các công cụ điện tử như hệ thống điều hành tác nghiệp, chữ ký số... tuy đã được triển khai nhưng mức độ sử dụng chưa thường xuyên, chưa đồng bộ.

- Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin: Ngành Kiểm tra Đảng còn thiếu đội ngũ cán bộ chuyên trách, có trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin để xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển các hệ thống số.

- Chưa có cơ chế thu hút, giữ chân nhân tài công nghệ: Chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc có thể chưa đủ hấp dẫn để thu hút các chuyên gia công nghệ giỏi vào làm việc trong ngành.

### **1.2.5. Thách thức về thể chế, chính sách và an ninh thông tin**

- Hành lang pháp lý chưa hoàn thiện: Các quy định, hướng dẫn về quản lý, khai thác dữ liệu số, quy trình nghiệp vụ điện tử, giá trị pháp lý của văn bản điện tử còn chưa đầy đủ hoặc chưa đồng bộ, gây lúng túng trong triển khai.

- Nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin: Công tác kiểm tra Đảng liên quan đến nhiều thông tin nhạy cảm, bí mật. Do đó, nguy cơ bị tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu là rất cao và đòi hỏi các giải pháp bảo mật tuyệt đối, phức tạp, tốn kém.

- Thách thức về đảm bảo quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu: Cần có sự cân bằng giữa việc khai thác dữ liệu để nâng cao hiệu quả công tác và việc bảo vệ quyền riêng tư, thông tin cá nhân của đảng viên, tổ chức.

Những tồn tại, hạn chế và thách thức này đòi hỏi ngành Kiểm tra Đảng phải có những giải pháp đồng bộ, quyết liệt và dài hạn để vượt qua, tiến tới thực hiện thành công công cuộc chuyển đổi số.

## **2. Các trụ cột chính để thực hiện chuyển đổi số thành công trong công tác kiểm tra Đảng**

### **2.1. Chuyển đổi nhận thức và thể chế**

- Nâng cao nhận thức: Tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo để toàn thể cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số.

- Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý: Ban hành các quy định, hướng dẫn về quản lý, khai thác dữ liệu số; quy trình kiểm tra điện tử; quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

### **2.2. Phát triển hạ tầng số và nền tảng dữ liệu**

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin: Xây dựng hệ thống mạng ổn định, băng thông rộng, các trung tâm dữ liệu an toàn, hiện đại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, toàn diện:

+ Số hóa toàn bộ hồ sơ: Chuyển đổi các hồ sơ giấy tờ, tài liệu liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên, kết quả kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật sang định dạng số.

+ Xây dựng CSDL về đảng viên: Thông tin lý lịch, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật.

+ Xây dựng CSDL về các vụ việc vi phạm: Chi tiết về nội dung, quá trình xử lý, kết quả xử lý.

+ Kết nối và liên thông dữ liệu: Đảm bảo khả năng chia sẻ, liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin khác của Đảng và Nhà nước (nếu phù hợp và đảm bảo nguyên tắc bảo mật).

### **2.3. Ứng dụng công nghệ số tiên tiến vào nghiệp vụ**

- Hệ thống quản lý hồ sơ kiểm tra, giám sát điện tử: Giúp theo dõi toàn bộ quy trình từ khi tiếp nhận thông tin đến khi ban hành kết luận, quyết định xử lý.

- Công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu:

+ Phân tích Big Data: Sử dụng các công cụ phân tích để phát hiện các mối liên hệ, mô hình ẩn giấu trong lượng lớn dữ liệu, từ đó xác định các dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng.

+ Ứng dụng AI: Phát triển các mô hình AI để hỗ trợ phân tích văn bản (ví dụ: các báo cáo, đơn thư tố cáo), nhận diện hành vi bất thường, thậm chí đề xuất các trường hợp cần kiểm tra trọng điểm.

+ Nền tảng cộng tác và chia sẻ thông tin an toàn: Cho phép các đoàn kiểm tra, các cơ quan kiểm tra cấp trên và cấp dưới phối hợp làm việc hiệu quả, trao đổi thông tin bảo mật.

+ Ứng dụng Blockchain: Nghiên cứu khả năng ứng dụng blockchain để tạo ra các "hồ sơ không thể sửa đổi" cho các tài liệu quan trọng, đảm bảo tính toàn vẹn và bất biến của thông tin.

## **3. Các bước triển khai chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng**

### **3.1. Các bước triển khai chung**

Quá trình chuyển đổi số là một hành trình dài và cần được thực hiện một cách bài bản, có lộ trình:

#### **3.1.1. Đánh giá hiện trạng và xây dựng chiến lược**

- Xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của ngành trong bối cảnh chuyển đổi số. Xây dựng chiến lược tổng thể, trong đó xác định rõ tầm nhìn, mục tiêu dài hạn, các mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn.

- Phân công rõ ràng trách nhiệm của các cấp, các đơn vị trong việc thực hiện.

### **3.1.2. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng, nền tảng**

- Ưu tiên đầu tư trang thiết bị, đường truyền, giải pháp bảo mật.
- Thực hiện số hóa dữ liệu từng bước, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chất lượng và tính nhất quán.

### **3.1.3. Thí điểm và hoàn thiện các ứng dụng nghiệp vụ**

- Lựa chọn một số nghiệp vụ cốt lõi hoặc một số đơn vị cụ thể để thí điểm các giải pháp công nghệ.
- Thu thập phản hồi, đánh giá hiệu quả, kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện trước khi nhân rộng.

### **3.1.4. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực**

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho toàn thể cán bộ, từ cấp lãnh đạo đến chuyên viên.
- Chủ động thu hút, tuyển dụng cán bộ có trình độ công nghệ thông tin.
- Khuyến khích văn hóa học tập, đổi mới trong toàn ngành

### **3.1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng**

- Đây là yếu tố then chốt, cần được quan tâm hàng đầu. Xây dựng các quy trình, giải pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu, chống lại các cuộc tấn công mạng.
- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá lỗ hổng bảo mật.

## **3.2. Mô hình ví dụ về các bước triển khai Chuyển đổi số tại ủy ban kiểm tra cấp cơ sở**

### **3.2.1. Giai đoạn 1- Giai đoạn chuẩn bị**

- Thực hiện khảo sát hiện trạng tại đơn vị nhằm:
  - + Đánh giá hạ tầng công nghệ hiện có (phần cứng, phần mềm, kết nối mạng, hạ tầng, điều kiện cơ sở vật chất).
  - + Rà soát năng lực cán bộ về công nghệ thông tin (CNTT), cán bộ công chức làm công tác tham mưu;
  - + Lựa chọn cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu thực hiện công tác tại đơn vị.
- Xây dựng kế hoạch:
  - + Xây dựng Đề án, Kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với chỉ đạo của cấp trên (Tỉnh ủy, UBKT cấp trên và chỉ đạo chung của địa phương, Trung ương) và điều kiện địa phương.

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân theo phương châm 05 rõ: rõ việc, rõ người, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả.

### **3.2.2. Giai đoạn 2 – Giai đoạn triển khai cơ sở hạ tầng**

- Thực hiện nâng cấp công nghệ:

+ Căn cứ vào điều kiện thực tế, thực hiện bố trí trước mắt các trang bị thiết bị cơ bản (máy tính, máy in, máy scan).

+ Triển khai hệ thống mạng nội bộ an toàn theo tiêu chuẩn; hệ thống kết nối Internet tốc độ cao.

\* Đánh giá và đảm bảo vấn đề an toàn, bảo mật và các quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định.

- Triển khai sử dụng, vận hành các phần mềm nghiệp vụ:

+ Áp dụng và triển khai, sử dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ (VD: Hệ thống điều hành tác nghiệp, các phần mềm chuyên ngành, các DVC trực tuyến của Đảng trên Cổng DVC quốc gia...).

+ Triển khai sử dụng và sử dụng thành thực các nền tảng số của Đảng (VD: Cổng thông tin Đảng, phần mềm thi đua khen thưởng, Sổ tay Đảng viên, Hệ thống tiếp nhận thông tin phản ánh...).

### **3.2.3. Giai đoạn 3 – Giai đoạn số hóa dữ liệu và quy trình**

- Số hóa tài liệu, hồ sơ:

+ Thực hiện rà soát, thống kê hồ sơ giấy đang lưu trữ, chỉnh lý và thực hiện chuyển đổi hồ sơ giấy sang dạng điện tử (biên bản, quyết định kỷ luật, báo cáo kiểm tra...).

+ Cập nhật, số hóa các hồ sơ đang thực hiện, thực hiện việc hình thành cơ sở dữ liệu sống phục vụ khai thác, sử dụng ngay.

+ Thực hiện lưu trữ nghiệp vụ, hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác sử dụng.

- Tự động hóa nghiệp vụ:

+ Rà soát và triển khai quy trình làm việc trực tuyến (phê duyệt văn bản, tiếp nhận đơn thư trên các phần mềm chuyên ngành, Hệ điều hành tác nghiệp dùng chung).

+ Rà soát quy trình nội bộ tại đơn vị, thực hiện đơn giản hóa và tái cấu trúc các quy trình nội bộ (lưu ý việc kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia: dân cư, cán bộ công chức...) để cắt giảm quy trình, thời gian và thành phần hồ sơ.

### 3.2.4. Giai đoạn 4 - Giai đoạn đào tạo và nâng cao nhận thức

- Tập huấn cán bộ, công chức:
  - + Đào tạo kỹ năng CNTT cơ bản (sử dụng phần mềm, bảo mật thông tin, các thao tác kỹ thuật tác nghiệp trên các Hệ thống, phần mềm).
  - + Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ số.
  - + Thực hiện ngay các chuyển đổi trong việc thực hiện hàng ngày: **“không tài liệu giấy tại các cuộc họp” và “không dùng giấy, bút tại các cuộc họp”** trừ cuộc họp mật.
- Tuyên truyền: Phổ biến lợi ích chuyển đổi số đến đảng viên và nhân dân.

### 3.2.5. Giai đoạn 5 – giai đoạn vận hành và giám sát

- Vận hành hệ thống: Duy trì hoạt động ổn định, khắc phục sự cố kịp thời.
- Giám sát, đánh giá:
  - + Kiểm tra định kỳ mức độ hoàn thành tiến độ; kiểm soát các chủ trương, chỉ đạo đã ban hành.
  - + Thu thập phản hồi để điều chỉnh.

### 3.2.6. Giai đoạn 6: Phát triển bền vững

- Mở rộng ứng dụng:
  - + Kết nối với các hệ thống số, phần mềm, chia sẻ CSDL.
  - + Ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn trong công tác kiểm tra, giám sát.
- Cập nhật công nghệ: Theo dõi xu hướng mới để nâng cao hiệu quả.

#### Lưu ý:

- Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin nội bộ của Đảng;
- Ưu tiên sử dụng các nền tảng “Make in Việt Nam” theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ.
- Phối hợp chặt chẽ với các Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Đề án 06 tại địa phương, ngành, đơn vị.
- Các giai đoạn có thể thực hiện điều chỉnh linh hoạt hoặc tiến hành song song phù hợp với đặc điểm tại các địa phương, đơn vị.

## 3.3. Mô hình ví dụ về các bước thực hiện chuyển đổi số trong 01 hoạt động nghiệp vụ kiểm tra, giám sát của Đảng

### 3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị:

- Rà soát hiện trạng

+ Đánh giá hệ thống hồ sơ, quy trình kiểm tra, giám sát hiện hành (giấy tờ, báo cáo, biên bản) thực tế hiện nay (có thể coi là quy trình thủ công/quy trình giấy đang tiến hành).

+ Xác định điểm khó khăn trong nghiệp vụ (ví dụ về thời gian xử lý, về tài liệu lưu trữ, về bước nhận, chia sẻ thông tin...).

- Xây dựng lộ trình: Từ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng của trình thủ công, xác định được điểm khó khăn, vướng mắc.

+ Tái cấu trúc quy trình thủ công hiện có + ứng dụng hệ thống thông tin, công cụ công nghệ thông tin + lựa chọn phần mềm chuyên dụng (ưu tiên nền tảng đã được phê duyệt).

+ Thực hiện hình thành các quy trình nghiệp vụ điện tử; chuyển hóa lên các phần mềm nghiệp vụ phục vụ tác nghiệp trên môi trường điện tử.

### **3.3.2. Giai đoạn số hóa nghiệp vụ cốt lõi**

- Quản lý hồ sơ điện tử:

+ Thực hiện chỉnh lý, số hóa toàn bộ hồ sơ kiểm tra (các tài liệu như đơn tố cáo, kết luận, quyết định kỷ luật...) bằng công nghệ số hóa và hạ tầng lưu trữ theo quy định.

+ Áp dụng chữ ký số cho các văn bản liên quan theo quy định.

+ Thực hiện tác nghiệp trên các hệ thống.

- Hệ thống giám sát trực tuyến:

+ Triển khai nền tảng giám sát cán bộ, đảng viên (theo dõi vi phạm, thi hành kỷ luật...).

+ Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, tài sản, thu nhập...) để đối chiếu thông tin.

- Xử lý đơn thư tố cáo:

+ Tiếp nhận đơn tố cáo qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động, các nền tảng điện tử, truyền thống được phép và theo quy định.

+ Nghiên cứu khả năng tích hợp AI để phân loại, đánh giá mức độ nghiêm trọng của đơn thư.

- Báo cáo tự động:

+ Phần mềm tổng hợp số liệu kiểm tra, giám sát tự động (số vụ việc, loại vi phạm, xu hướng...).

- Hệ thống cảnh báo sớm vi phạm dựa trên phân tích dữ liệu lớn.

### 3.3.3. Giai đoạn vận hành

- Đào tạo nghiệp vụ số: Tập huấn cán bộ sử dụng phần mềm chuyên dụng (ví dụ: phần mềm nghiệp vụ UBKT Trung ương, phần mềm tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo...).

- Diễn tập xử lý tình huống vi phạm trên nền tảng số.

- Thí điểm và nhân rộng:

+ Triển khai thí điểm tại một số chi bộ, đảng bộ cơ sở.

+ Điều chỉnh quy trình dựa trên phản hồi thực tế.

### 3.2.4. Giai đoạn nâng cấp và bảo mật

- An ninh dữ liệu: thực hiện theo yêu cầu hạ tầng, kiểm tra an toàn thông tin và định hướng việc sử dụng an toàn thông tin, bảo mật cho đối tượng người dùng.

- Mã hóa thông tin nhạy cảm, phân quyền truy cập theo cấp bậc.

- Phát triển hệ thống thông minh: Ứng dụng AI phân tích nguy cơ vi phạm (dự đoán xu hướng vi phạm dựa trên dữ liệu lịch sử); tích hợp, chia sẻ kết nối với các hệ thống, CSDL ngành, CSDL dùng chung.

### 3.3.5. Giai đoạn kiểm tra, đánh giá

- Duy trì, vận hành hoạt động ổn định các hệ thống, phần mềm; khắc phục sự cố (nếu có) hoặc nâng cấp phiên bản.

- Kiểm tra vận hành và thu thập phản hồi.

- Thực hiện đo lường hiệu quả: bằng thời gian xử lý hồ sơ vụ việc sau khi số hóa và thực hiện quy trình điện tử, tác nghiệp trên các Hệ thống, phần mềm; Tỷ lệ hồ sơ lưu trữ điện tử.

### 3.3.6. Giai đoạn phát triển

- Thực hiện mở rộng ứng dụng, kết nối các hệ thống, cơ sở dữ liệu....

- Cập nhật công nghệ.

#### **Lưu ý:**

- Tuân thủ các quy định về công tác kiểm tra, giám sát; các quy định chuyên ngành liên quan.

- Ưu tiên sử dụng các nền tảng “Make in Việt Nam” theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ.

- Các giai đoạn có thể thực hiện điều chỉnh linh hoạt hoặc tiến hành song song phù hợp với nghiệp vụ tại từng đơn vị, nội dung.

#### 4. Các nhân tố quyết định thành công của công cuộc chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng

- Sự quyết tâm chính trị cao độ từ lãnh đạo các cấp.
- Lộ trình rõ ràng, bước đi vững chắc, không nóng vội.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Đầu tư đúng mức vào hạ tầng và con người.
- Liên tục học hỏi, cập nhật các công nghệ và giải pháp mới.

### VI. MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG

#### 1. Mô hình nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu



#### *Nội dung thực hiện bao gồm:*

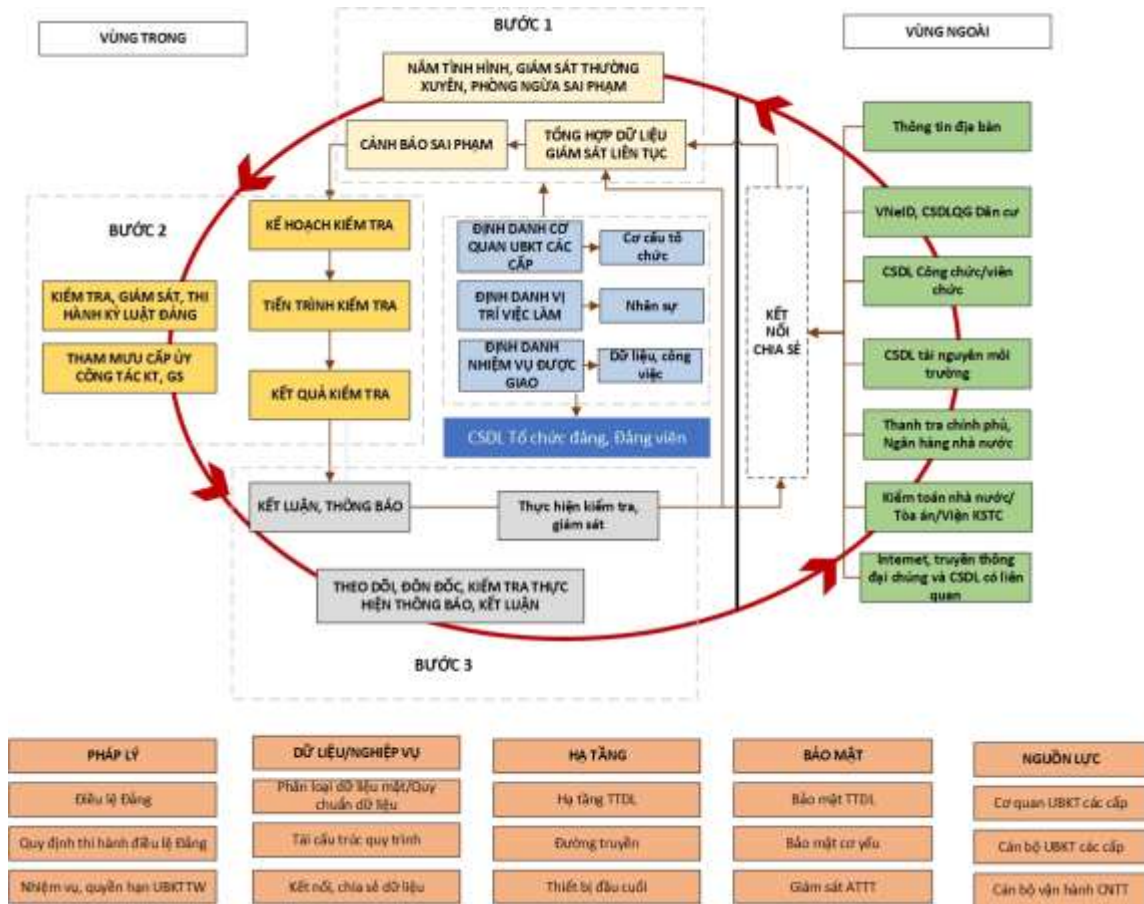
- Nhóm Năm tình hình, giám sát thường xuyên, phòng ngừa sai phạm dựa trên dữ liệu được kết nối, đồng bộ từ bộ/ngành/địa phương với 03 quy trình chính: (1) Thu thập dữ liệu để thực hiện giám sát tổ chức đảng, Đảng viên; (2) Thiết lập các kịch bản cảnh báo sớm và phát hiện dấu hiệu bất thường của tổ chức đảng, Đảng viên từ nguồn dữ liệu thu thập; Kịp thời cảnh báo tới tổ chức đảng, Đảng viên khi phát hiện dấu hiệu bất thường;

(3) Phân tích dữ liệu để đưa ra cảnh báo sai phạm phục vụ công tác kiểm tra giám sát từ khâu lập kế hoạch đến khâu thực hiện kế hoạch.

- Nhóm Kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng: chuyển đổi số toàn diện quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng bằng ứng dụng CNTT từ khâu chuẩn bị (lập kế hoạch, xây dựng đề cương kiểm tra) đến khâu thực hiện (triển khai kế hoạch, kiểm soát tiến độ, thăm tra xác minh, ghi nhận kết quả) cho đến khi kết thúc (được thể hiện bằng báo cáo kiểm tra, thông báo, kết luận kiểm tra).

- Nhóm Theo dõi, đôn đốc thực hiện thông báo, kết luận: xây dựng quy trình thu thập dữ liệu phục vụ theo dõi thực hiện thông báo, kết luận; Đôn đốc thực hiện thông báo kết luận và triển khai kiểm tra, giám sát thực hiện thông báo, kết luận.

## 2. Mô hình sơ bộ công tác kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu



**Nội dung thực hiện bao gồm:** Được xây dựng trên 05 nền tảng cốt lõi bao gồm: (1) Pháp lý; (2) Dữ liệu và nghiệp vụ; (3) Hạ tầng; (4) Bảo mật; (5) Nguồn lực. Mô hình kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu bao gồm 02 vùng nghiệp vụ:

**Vùng ngoài:** Kết nối, thu thập dữ liệu từ các CSDL Quốc gia, CSDL chuyên Ngành nhằm mục tiêu thu thập dữ liệu phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra.

**Vùng trong:** Triển khai các hệ thống quản lý hoạt động nghiệp vụ kiểm tra giám sát của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương dựa trên dữ liệu bao gồm:

- **Các ứng dụng quản lý nguồn lực:** Quản lý cơ quan Ủy ban kiểm tra các cấp; Quản lý nhân lực kiểm tra viên các cấp; Quản lý định danh vị trí việc làm gắn mới các công tác thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm...

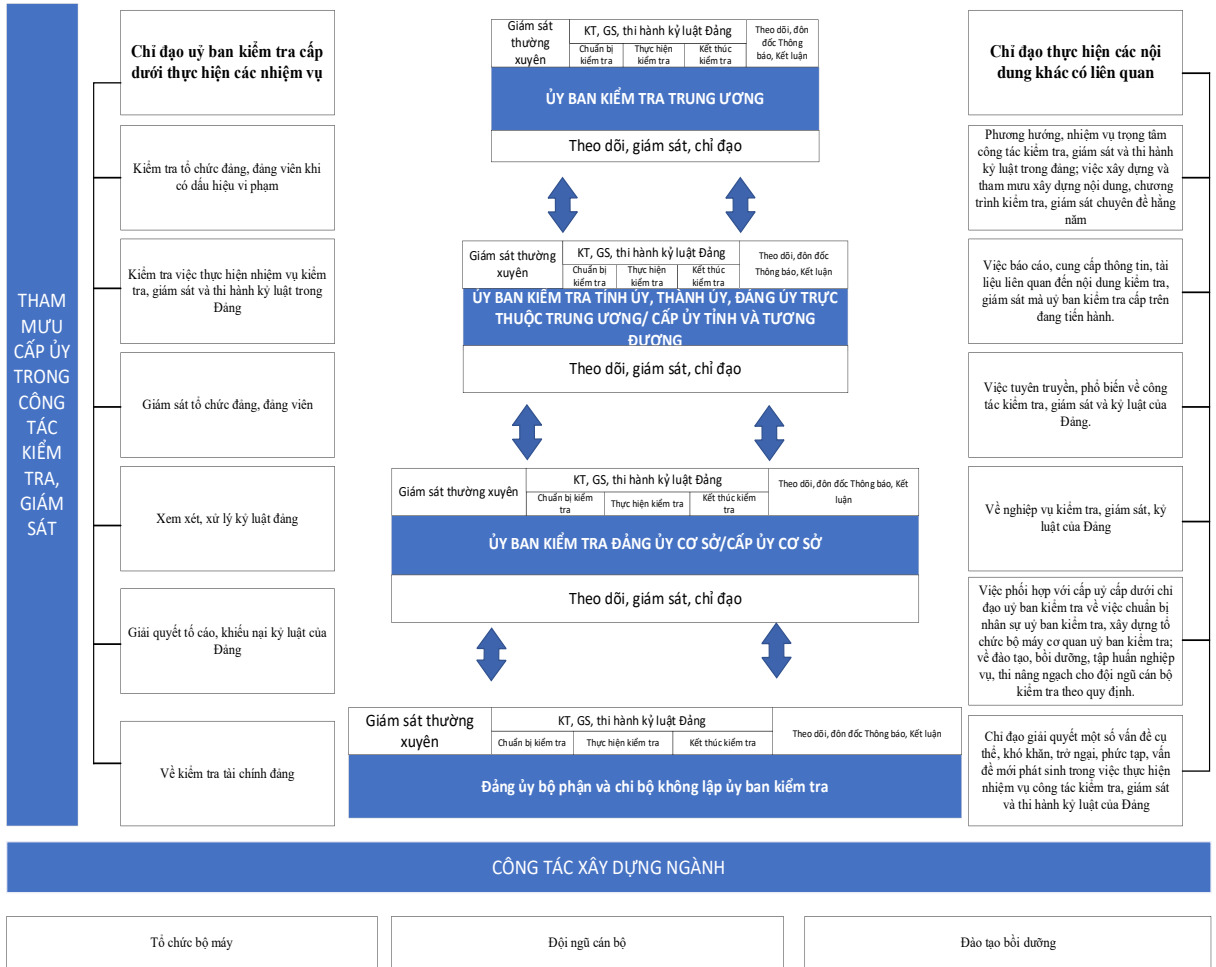
- **Phân hệ nắm tình hình, giám sát thường xuyên, phòng ngừa sai phạm:** Giám sát tổ chức Đảng cấp dưới và Đảng viên việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật của Nhà nước. Kịp thời phát hiện sớm các vấn đề bất thường của tổ chức Đảng và Đảng viên dựa trên các công cụ phân tích, tổng hợp dữ liệu để kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn tổ chức Đảng và Đảng viên thực hiện đúng các quy định của Đảng.

- **Phân hệ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng:** Bao gồm ứng dụng CNTT trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương từ khâu hỗ trợ lập, thẩm định kế hoạch kiểm tra hàng năm; Theo dõi tình hình và tiến trình kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra; Theo dõi kết quả kiểm tra.

- **Phân hệ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện thông báo, kết luận:** Theo dõi, giám sát việc thực hiện các thông báo, kết luận kiểm tra; thông báo, kết luận kỷ luật Đảng.

- Phân hệ Tham mưu cấp ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

### 3. Mô hình phân cấp thực hiện



#### Nội dung thực hiện bao gồm:

- Chỉ đạo UBKT cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ: Kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; Giám sát tổ chức đảng, đảng viên; Xem xét, xử lý kỷ luật đảng; Giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật của Đảng; Kiểm tra tài chính đảng.

- Chỉ đạo thực hiện các nội dung khác có liên quan: Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng; việc xây dựng và tham mưu xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề hằng năm; Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát mà ủy ban kiểm tra cấp trên đang tiến hành; Tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Phối hợp với cấp ủy cấp dưới chỉ đạo ủy ban kiểm tra về việc chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra; Về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, thi nâng ngạch cho đội ngũ cán bộ kiểm tra theo quy định; Chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể, khó khăn, trở ngại, phức tạp, vấn đề mới phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

Quy trình thực hiện theo đầy đủ 03 nhóm tại mọi cấp: (1) Nắm tình hình, giám sát thường xuyên, phòng ngừa sai phạm dựa trên dữ liệu được kết nối, đồng bộ từ bộ/ngành/địa phương; (2) Kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; (3) Theo dõi, đôn đốc thực hiện thông báo, kết luận.

## **VII. YÊU CẦU, NHIỆM VỤ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Đổi mới tư duy, nhận thức**

Đây là khâu đầu tiên và quan trọng nhất. Nếu tư duy không thay đổi, chúng ta sẽ khó chấp nhận và triển khai công nghệ mới một cách hiệu quả. Hay nói cách khác, chuyển đổi số bắt đầu từ "chuyển đổi tư duy" của mỗi cán bộ, công chức Ngành Kiểm tra Đảng.

- Chuyển mạnh từ phương pháp làm việc thủ công sang phương thức làm việc trên nền tảng số.

+ Chúng ta thường làm việc bằng giấy tờ, sổ sách, họp mặt trực tiếp. Giờ đây, chúng ta phải học cách sử dụng máy tính, điện thoại thông minh, phần mềm ứng dụng để xử lý công việc. Đơn giản nhất là sử dụng email để gửi nhận văn bản thay vì in ra giấy, hoặc dùng Zalo/Viber để trao đổi thông tin nhanh chóng, tiện lợi.

+ Ví dụ: Hãy hình dung, muốn kiểm tra tài chính của một đơn vị, trước đây chúng ta phải cử cán bộ đến tận nơi, xem xét từng xấp hóa đơn, sổ sách giấy tờ. Giờ đây, các dữ liệu về thu chi, giao dịch tài chính có thể được cập nhật thẳng vào một hệ thống số chung. Khi cần kiểm tra, chúng ta chỉ cần truy cập hệ thống, dùng vài cú click chuột để lọc và phân tích dữ liệu, nhanh chóng nhận diện các khoản chi bất thường, giao dịch đáng ngờ. Việc này giúp chúng ta tiết kiệm thời gian, công sức gấp nhiều lần, và tập trung vào những "điểm nóng" thực sự.

- Cần nhận thức đúng và đầy đủ rằng công nghệ số là công cụ hỗ trợ đắc lực, nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

+ Công nghệ là một công cụ hữu ích, giống như chúng ta dùng chiếc búa để đóng đinh vậy. Công nghệ giúp chúng ta làm việc nhanh hơn, chính xác hơn, và phát hiện được những vấn đề tinh vi hơn mà trước đây rất khó nhận ra. Nó giúp chúng ta "nhìn thấy" những điều mắt thường không thấy được.

+ Ví dụ: Các đồng chí có từng nghe đến "Big Data" hay "Dữ liệu lớn" chưa? Nghe có vẻ phức tạp, nhưng đơn giản là công nghệ này có thể giúp chúng ta phân tích hàng triệu thông tin về giao dịch tài chính, về các mối quan hệ của cán bộ cùng lúc. Chẳng

hạn, nếu một cán bộ liên tục có các giao dịch chuyển tiền lớn với một công ty trúng thầu dự án mà chính cán bộ đó phụ trách, hệ thống có thể lập tức cảnh báo đỏ, giúp chủ động nắm bắt thông tin, kịp thời vào cuộc xác minh.

## **2. Hoàn thiện thể chế, quy định**

Để chuyển đổi số đi vào nền nếp và có hiệu lực, chúng ta cần một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, đồng bộ. Hay nói cách khác, phải có luật, có quy định, quy chế rõ ràng thì cán bộ mới yên tâm thực hiện.

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác, bảo mật hệ thống số hóa ngành Kiểm tra Đảng, bảo đảm hoạt động số hóa tuân thủ quy trình nghiệp vụ, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về an toàn, an ninh thông tin. Quy chế cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, UBKT các cấp trong sử dụng và quản lý dữ liệu, phần mềm, thiết bị số.

+ Mỗi nơi làm một kiểu thì rất khó để kết nối thông tin. Chúng ta cần có một quy định chung, một "bảng chữ cái" chung về cách thức lưu trữ, đặt tên các loại hồ sơ, thông tin trên môi trường số. Ví dụ, tất cả các tài liệu số hóa phải ở định dạng nào (như PDF), được lưu trữ ở đâu, ai được xem, ai không được xem.

+ Ví dụ: Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể ban hành một Quy định chung về số hóa hồ sơ kiểm tra, giám sát. Quy định này sẽ thống nhất về định dạng tệp (ví dụ: PDF/A để đảm bảo khả năng đọc về lâu dài), cấu trúc cơ sở dữ liệu, và quy định về quyền truy cập, bảo mật thông tin. Khi đó, thông tin về hồ sơ kiểm tra, giám sát có thể dễ dàng được tra cứu mà không gặp bất kỳ rào cản kỹ thuật hay định dạng nào.

- Điều chỉnh, cập nhật quy trình nghiệp vụ kiểm tra, giám sát để phù hợp với môi trường số, giảm dần các bước thủ công, tiến tới thực hiện mô hình “kiểm tra không giấy”, giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả, chất lượng xử lý vụ việc.

+ Mục tiêu của chúng ta là giảm thiểu, tiến tới bỏ hoàn toàn việc dùng giấy tờ trong mọi khâu của công tác kiểm tra. Từ việc lập kế hoạch, thu thập bằng chứng, làm việc với đối tượng, đến ban hành kết luận và lưu trữ hồ sơ, tất cả đều được thực hiện trên máy tính, điện thoại.

+ Ví dụ: Thay vì in ra hàng chục bản kế hoạch kiểm tra để trình duyệt, chúng ta sẽ lập kế hoạch trên phần mềm chuyên dụng, có chữ ký số của các cấp lãnh đạo. Biên bản làm việc với đối tượng kiểm tra có thể được ghi nhận trực tiếp trên máy tính bảng, có chữ ký điện tử xác nhận của cả đoàn kiểm tra và đối tượng. Toàn bộ hồ sơ vụ việc sẽ được số hóa và quản lý tập trung trên hệ thống, không còn tình trạng hồ sơ giấy bị thất lạc hay khó tìm kiếm. Điều này cũng giúp tăng cường bảo mật vì không ai có thể tự ý thay đổi tài liệu đã được ký số.

### 3. Đầu tư hạ tầng công nghệ

Hạ tầng công nghệ là "nền móng" để các ứng dụng và hệ thống số hoạt động trơn tru. Giống như có đường xá tốt thì xe cộ mới chạy nhanh, an toàn.

- Cần đầu tư đầy đủ và đồng bộ về thiết bị công nghệ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống sao lưu dữ liệu và giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, nhất là tại UBKT cấp cơ sở, nơi còn nhiều khó khăn về nguồn lực và điều kiện kỹ thuật. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chúng ta cần đảm bảo mỗi cán bộ đều có đủ "công cụ" để làm việc trên môi trường số: máy tính đủ mạnh, đường truyền ổn định (đường truyền mạng thông tin diện rộng của Đảng, đường truyền Internet), và các phần mềm chuyên biệt dành cho ngành kiểm tra. Không để máy tính quá cũ, chậm chạp hay mạng chập chờn làm gián đoạn công việc.

+ Ví dụ: Mỗi cán bộ kiểm tra cần được trang bị máy tính xách tay hoặc máy tính bảng có cấu hình phù hợp để xử lý dữ liệu lớn, cài đặt các phần mềm nghiệp vụ chuyên biệt phục vụ phân tích dữ liệu, tra cứu thông tin. Cơ quan cần có đường truyền mạng dự phòng để đảm bảo công việc không bị gián đoạn. Đây là sự đầu tư cần thiết để chúng ta làm việc hiệu quả hơn.

### 4. Triển khai Hệ thống ứng dụng, nền tảng, dữ liệu số

Các hệ thống ứng dụng, nền tảng, dữ liệu số được ví như những công cụ hữu hiệu, những nguồn tài nguyên, tư liệu sản xuất quan trọng trong quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng bao gồm:

- Phát triển, triển khai đồng bộ, thống nhất hệ thống điều hành tác nghiệp, quản lý văn bản, theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận.. dùng chung trong các cơ quan Đảng.

- Triển khai ứng dụng quản lý tài liệu lưu trữ số hóa; các công cụ hỗ trợ quá trình số hóa làm sạch dữ liệu một cách hiệu quả để đưa dữ liệu vào sử dụng. Thực hiện quy trình số hóa theo hướng dẫn của cơ quan chức năng<sup>4</sup>.

- Phát triển, triển khai hệ thống tổng hợp, báo cáo, phân tích xử lý dữ liệu đồng bộ, thống nhất, kịp thời trong toàn ngành, từ Trung ương tới cấp xã nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành hiệu quả.

---

<sup>4</sup> Hướng dẫn số 40-HD/VPTW ngày 07/11/2018; Công văn số 1478-CV/VPTW ngày 06/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Hướng dẫn số 40...

- Xây dựng và phát triển nền tảng giám sát việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên<sup>5</sup>.

- Phát triển nền tảng số dùng chung cho toàn ngành Kiểm tra Đảng, có khả năng tích hợp các phần mềm hiện hành như phần mềm quản lý đơn thư, hồ sơ kỷ luật, thống kê báo cáo, lưu trữ số, quản lý công việc... hướng tới xây dựng một hệ sinh thái số liên thông, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

+ Chúng ta sẽ có một "ngôi nhà số chung" mà ở đó, mọi phần mềm đang dùng hoặc sẽ dùng đều được kết nối lại với nhau, tạo thành một hệ thống thống nhất, giúp dữ liệu được trao đổi dễ dàng giữa các phòng ban, các cấp.

+ Ví dụ: Khi phần mềm quản lý đơn thư nhận được một phản ánh, thông tin đó có thể tự động chuyển sang phần mềm quản lý hồ sơ kiểm tra để lập vụ việc, mà không cần cán bộ phải nhập lại thủ công.

- Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong toàn ngành Kiểm tra Đảng. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan kiểm tra, giữa cơ quan kiểm tra với các ban Đảng, cơ quan nội chính, thanh tra, tư pháp... Từng bước hình thành nền tảng phân tích dữ liệu lớn (big data), hỗ trợ công tác ra quyết định, đánh giá rủi ro, phát hiện dấu hiệu vi phạm.

+ Dữ liệu là "kho báu" trong thời đại số. Chúng ta cần xây dựng một "kho dữ liệu tổng hợp" của toàn ngành, nơi mọi thông tin về đảng viên, tổ chức đảng, các vụ việc kiểm tra, kỷ luật đều được lưu trữ và có thể dễ dàng truy xuất, phân tích.

+ Ví dụ: Khi cần kiểm tra một đảng viên, thay vì phải liên hệ nhiều nơi để thu thập thông tin về lý lịch, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật, kê khai tài sản..., chúng ta chỉ cần tra cứu trên hệ thống này là có đầy đủ "bức tranh" về đảng viên đó, giúp việc đánh giá, nhận định được chính xác và nhanh chóng hơn.

- Từng bước xây dựng mô hình “cơ quan kiểm tra số” với quy trình, dữ liệu, công cụ vận hành trên nền tảng số. Đổi mới phương pháp làm việc theo hướng số hóa quy trình, tài liệu; từng bước thực hiện kiểm tra trên dữ liệu, giám sát trên dữ liệu, tiến tới phân tích dữ liệu để phát hiện sớm vi phạm, hạn chế rủi ro trong công tác xây dựng Đảng.

## **5. Xây dựng, kết nối và khai thác dữ liệu**

Dữ liệu là “nguồn tài nguyên chiến lược” trong chuyển đổi số. Muốn kiểm tra, giám sát trên dữ liệu, thì dữ liệu phải được chuẩn hóa, đầy đủ, chính xác và có khả năng kết nối, phân tích. Vì vậy:

---

<sup>5</sup> Theo Thông báo số 207-TB/VPTW ngày 27/5/2025 về việc Kết luận của Tổng bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ủy ban Kiểm tra Trung ương

- Cần cập nhật, số hóa và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật, xây dựng kho dữ liệu lịch sử ngành kiểm tra, làm nền tảng cho phân tích, đánh giá và dự báo.

+ Chúng ta phải biến tất cả những hồ sơ giấy tờ từ trước đến nay thành dữ liệu số, và quan trọng là phải chuẩn hóa chúng. Nghĩa là, mọi thông tin phải được nhập vào theo một định dạng thống nhất để máy tính có thể hiểu và phân tích được.

+ Ví dụ: Dữ liệu về các vụ việc kỷ luật đảng trong quá khứ cần được số hóa một cách chuẩn xác, để khi cần, chúng ta có thể phân tích xu hướng vi phạm theo từng địa phương, từng lĩnh vực, từng cấp bậc cán bộ, từ đó đưa ra dự báo và các giải pháp phòng ngừa hiệu quả hơn.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ban xây dựng Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị như Ban Tổ chức, Ban Nội chính, Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Công an... để phục vụ công tác cảnh báo sớm, giám sát chuyên sâu, phát hiện dấu hiệu vi phạm ngay từ khi còn manh nha.

+ Công tác chống tham nhũng, tiêu cực không thể chỉ do một mình ngành Kiểm tra làm. Chúng ta cần kết nối thông tin với các ngành khác để tạo thành một "mắt lưới" chặt chẽ, giúp phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường.

+ Ví dụ: Dữ liệu về kê khai tài sản của cán bộ có thể được đối chiếu tự động với dữ liệu từ cơ quan thuế, ngân hàng; thông tin về các dự án đầu tư công có thể được đối chiếu với kết quả kiểm toán; thông tin về các doanh nghiệp có thể được đối chiếu với dữ liệu từ cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi có sự sai lệch hoặc dấu hiệu bất thường, hệ thống sẽ cảnh báo để Ủy ban Kiểm tra kịp thời vào cuộc.

## **6. Bảo mật và An ninh thông tin**

Song song với việc thực hiện những nhiệm vụ được giao, công tác bảo mật, an toàn thông tin và ý thức bảo vệ bí mật nhà nước đặc biệt là đối với cán bộ, công chức ngành kiểm tra Đảng thường xuyên phải tiếp xúc với những tài liệu mật, tối mật và tuyệt mật của Đảng càng cần phải được đặc biệt lưu ý và quan tâm. Hiện tại trong toàn ngành đã và đang sử dụng rất nhiều công cụ, giải pháp bảo mật và an ninh thông tin do Ban Cơ yếu chính phủ cung cấp bao gồm:

- Các giải pháp bảo mật, xác thực kênh truyền mạng thông tin diện rộng của Đảng như Tường lửa, BMVPN2, BML, chữ ký số mã.

- Các giải pháp lưu trữ dữ liệu bảo mật như USB bảo mật (AV, DC), bảo mật ổ cứng VMMScrypt, bảo mật cơ sở dữ liệu SQLCrypt.

- Các giải pháp an toàn thông tin khác như: Phần mềm diệt virus (AV), Hệ thống theo dõi, phát hiện dấu hiệu bất thường trong mạng diện rộng của Đảng (EDR), trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC).

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản về bảo mật và an toàn thông tin:

+ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023;

+ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006;

+ Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26/11/2011;

+ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19/11/2015;

+ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018;

+ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018.

## **7. Điều hành kiểm tra giám sát trên môi trường số (IOC)**

Việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên môi trường số phải dựa trên dữ liệu, ra quyết định dựa trên dữ liệu; từ các công cụ hiệu quả như các biểu mẫu, báo cáo định kỳ đột xuất của ngành, từ hệ thống tổng hợp thông tin trên mạng Internet, từ hệ thống giám sát tình hình thực hiện nghị quyết thông báo kết luận, từ hệ thống tổng hợp, báo cáo, phân tích dữ liệu toàn ngành; đặc biệt trung tâm điều hành kiểm tra giám sát trên môi trường số là một công cụ hữu hiệu cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực công tác kiểm tra giám sát thi hành kỷ luật Đảng của toàn ngành qua đó nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành, tăng cường công tác nắm tình hình, cảnh báo sớm những vấn đề nổi cộm có nguy cơ trở thành điểm nóng, phòng ngừa sai phạm.

## **8. Ứng dụng công nghệ mới**

Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, nền tảng làm việc thông minh sẽ tạo ra bước đột phá trong phương thức kiểm tra, giám sát:

- Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tự động quét và phát hiện các dấu hiệu bất thường, vi phạm trong dữ liệu báo cáo, tài chính, mạng xã hội hoặc nguồn tin công khai.

+ AI giống như một "trợ lý thông minh", có thể tự động đọc, hiểu và phân tích hàng núi dữ liệu mà con người phải mất rất nhiều thời gian. Nó sẽ giúp chúng ta nhanh chóng tìm ra những điểm "khác thường", những "manh mối" nghi vấn mà chúng ta có thể bỏ sót.

+ Ví dụ: AI có thể phân tích các báo cáo tài chính của một đơn vị, tự động tìm ra các khoản chi không hợp lý, các giao dịch đáng ngờ. Hoặc thậm chí phân tích các thông

tin công khai trên mạng xã hội, báo chí để tìm kiếm các dấu hiệu về lối sống, chi tiêu không phù hợp của cán bộ.

- Khai thác Big Data phục vụ phân tích xu hướng, dự báo rủi ro vi phạm có thể xảy ra ở từng lĩnh vực, địa phương, giúp UBKT các cấp chủ động giám sát theo chuyên đề, có trọng tâm, trọng điểm.

+ "Big Data" là khả năng xử lý lượng dữ liệu khổng lồ. Nó giúp chúng ta nhìn ra "bức tranh toàn cảnh", thấy được các xu hướng vi phạm chung, các lĩnh vực "nhảy cảm" dễ xảy ra sai phạm. Từ đó, chúng ta có thể dự báo trước rủi ro và tập trung giám sát vào những nơi cần thiết nhất.

+ Ví dụ: Phân tích dữ liệu về các vụ việc tham nhũng trong 5 năm qua có thể cho thấy ngành Xây dựng hoặc lĩnh vực Đất đai thường có nhiều vi phạm nhất. Hoặc tỉnh A có xu hướng vi phạm về công tác cán bộ nhiều hơn các tỉnh khác. Từ đó, Ủy ban Kiểm tra có thể chủ động lên kế hoạch giám sát chuyên đề cho những lĩnh vực/địa phương này.

- Triển khai hệ thống quản lý công việc thông minh, lịch làm việc điện tử, trao đổi văn bản, thông tin nội bộ trên nền tảng số bảo mật cao, giảm thiểu giấy tờ, tăng tốc độ xử lý công việc.

+ Các "văn phòng thông minh" sẽ giúp chúng ta làm việc hiệu quả hơn, không còn phụ thuộc vào giấy tờ.

+ Ví dụ: Chúng ta sẽ sử dụng các phần mềm quản lý công việc chung để giao nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, đặt lịch họp online; dùng các ứng dụng trao đổi nội bộ có tính bảo mật cao (thay vì Zalo cá nhân) để thảo luận công việc. Mọi văn bản, tài liệu đều được ký số và lưu trữ trên hệ thống, không còn tồn giấy mực, thời gian in ấn, vận chuyển.

## **9. Một số kinh nghiệm**

- Sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp: Các địa phương làm tốt đều có sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Thường trực cấp ủy, Chủ nhiệm UBKT; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xuyên suốt. Cụ thể hóa các chỉ đạo của Trung ương bằng kế hoạch riêng của cấp mình, phân công rõ trách nhiệm, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bộ phận.

- Gắn chuyển đổi số với nhiệm vụ chuyên môn của Ngành: Việc ứng dụng CNTT không tách rời mà được tích hợp, hỗ trợ trực tiếp cho quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng. Một số đơn vị đã chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, xây dựng phần mềm kiểm tra số gắn với thực tiễn như: quản lý hồ sơ cán bộ, theo dõi kết luận kiểm tra, lưu trữ hồ sơ điện tử...

- Chủ động rà soát, số hóa dữ liệu từ sớm, bài bản: Kinh nghiệm thành công tại UBKT Trung ương và UBKT các tỉnh Quảng Ninh, Hưng Yên là bắt đầu từ công tác số hóa hồ sơ, tài liệu gốc, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung. Áp dụng phương pháp số hóa có quy trình: kiểm kê - phân loại - chỉnh lý - quét - nhập liệu - kiểm tra - lưu trữ.

### ***Kinh nghiệm số hóa:***

- Để đảm bảo quản lý tốt hồ sơ, tài liệu trước, trong và sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cũng như thuận tiện trong việc giao nộp vào Lưu trữ lịch sử của Đảng cấp tỉnh, toàn bộ tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu hình thành trong hoạt động của UBKT các cấp cần được số hóa liên tục, quyết liệt và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ, nhằm đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của tổ chức đảng cấp trên; đồng thời tiến hành cập nhật hồ sơ vụ việc vừa được số hoá lên phần mềm quản lý hồ sơ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng do UBKT Trung ương chuyên giao, trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Tăng cường lực lượng, rà soát các trang thiết bị (máy tính, máy scan) phục vụ công tác số hóa hồ sơ, tài liệu; bảo đảm phương tiện lưu trữ điện tử để bảo quản các tệp tin số. Trước khi thực hiện số hóa, các loại hồ sơ, tài liệu phải được chỉnh lý, phân loại và tập hợp đầy đủ; việc số hóa hồ sơ, tài liệu phải tuân thủ quy trình, nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm toàn vẹn hồ sơ, tài liệu gốc, tuyệt đối không để mất, thất lạc, hư hỏng hoặc làm thay đổi, xáo trộn trật tự sắp xếp tài liệu trong từng tập hồ sơ, tài liệu.

+ Về quy trình thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ tại UBKT các cấp cần thực hiện theo Hướng dẫn số 40-HD/VPTW ngày 07/11/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng; Công văn số 1478-CV/VPTW ngày 06/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Hướng dẫn số 40-HD/VPTW; Công văn số 1479/BCA-ANCTNB ngày 17/4/2025 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện số hóa tài liệu bí mật nhà nước; Công văn số 64-CV/TW, ngày 10/4/2025 của Ban Bí thư về việc lưu trữ và quản lý tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính ở địa phương (*chi tiết có Phụ lục Hướng dẫn về số hóa văn bản, tài liệu kèm theo*).

+ Lấy cán bộ làm trung tâm - nâng cao nhận thức và năng lực số: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm nghiệp vụ (*quản lý tài liệu lưu trữ số do Cục Lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao*), khai thác dữ liệu số. Một số đơn vị còn đưa nội dung chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá thi đua của cán bộ, tạo động lực học tập, ứng dụng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn công nghệ: Chủ động phối hợp với cơ quan văn phòng cấp ủy, cơ quan thông tin - truyền thông, cơ yếu để chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin.

## VIII. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Các Nhiệm vụ chính đã ban hành kèm theo Kế hoạch và tiếp tục bổ sung căn cứ theo nhiệm vụ của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025.

2. “Nghiên cứu xây dựng Trung tâm điều hành kiểm tra, giám sát trên môi trường số” – được xác định là hệ thống nền tảng số dùng chung cho toàn ngành... hướng tới xây dựng một hệ sinh thái số liên thông, thống nhất từ Trung ương đến địa phương với các mục tiêu:

- THỰC HIỆN GIÁM SÁT TRÊN DỮ LIỆU, KIỂM TRA TRÊN DỮ LIỆU XUYỀN SUỐT TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN CƠ SỞ - đây được xác định là mục tiêu chính để thực hiện chuyển đổi phương thức làm việc trong toàn ngành.

- PHÂN TÍCH, DỰ BÁO, CẢNH BÁO PHÒNG NGỪA SAI PHẠM – từ dữ liệu sống, sạch, liên tục từ nhiều nguồn để từ đó phân tích, cảnh báo, dự báo, hoạch định, xây dựng chính sách (bên cạnh việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo có kiểm soát).

- XÂY DỰNG CƠ QUAN KIỂM TRA SỐ, TINH – GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG HIỆU NĂNG, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ - từ các ứng dụng CNTT, hình thành cơ quan kiểm tra số chuyên nghiệp đồng thời là động lực và cơ sở để các đơn vị thực hiện hiệu quả công tác tinh – gọn bộ máy (giảm quy trình, thời gian và nhân lực...). Trên 3 trụ cột chính:

(1) Phân hệ nắm tình hình, giám sát thường xuyên, phòng ngừa sai phạm:

+ Giám sát tổ chức Đảng cấp dưới và Đảng viên việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật của Nhà nước.

+ Kịp thời phát hiện sớm các vấn đề bất thường của tổ chức Đảng và Đảng viên dựa trên các công cụ phân tích, tổng hợp dữ liệu để kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn tổ chức Đảng và Đảng viên thực hiện đúng các quy định của Đảng.

(2) Phân hệ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng: Bao gồm ứng dụng CNTT trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương từ khâu hỗ trợ lập, thẩm định kế hoạch kiểm tra hàng năm; Theo dõi tình hình và tiến trình kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra; Theo dõi Kết quả kiểm tra.

(3) Phân hệ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện thông báo, kết luận: Theo dõi, giám sát việc thực hiện các thông báo, kết luận kiểm tra; thông báo, kết luận kỷ luật Đảng. Giám sát thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước tại tất cả các tổ chức Đảng xuyên suốt từ TW đến địa phương.

- HÌNH THÀNH TRUNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH trên cơ sở tập trung

các phân hệ nghiệp vụ từ mô hình dữ liệu, Người đứng đầu các cấp sẽ có cái nhìn toàn cảnh, theo thời gian thực thực hiện theo dõi xuyên suốt theo phân cấp (mô hình kim tự tháp) Trung tâm điều hành là nền tảng tập hợp các nguồn thông tin dữ liệu, sử dụng các công cụ hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, qua đó giúp người ra quyết định các cấp có thể Giám sát, điều hành, phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra các quyết định, hoạch định chính sách.

(2) Mô hình dự kiến 1 Trung tâm tập trung duy nhất đặt tại Trụ sở chính CQUBKTTW theo định hướng hệ sinh thái số liên thông, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; hướng tới chuyển đổi thành trung tâm số ảo trong tương lai.

(3) Trung tâm sẽ thực hiện các chức năng chính:

- + Trình diễn, hiển thị thông tin trực tuyến trực quan. (Dashboard/bản đồ số...)
- + Hỗ trợ ra Quyết định (sử dụng công cụ thống kê, tổng hợp, trí tuệ nhân tạo có kiểm soát...).
- + Giám sát cảnh báo (thông tin hiển thị đa chiều, xác định điểm bất thường...).
- + Các tính năng quản lý, truyền thông, đào tạo, tập huấn, giáo trình số.

Trung tâm sẽ là công cụ thực hiện việc tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan kiểm tra, giữa cơ quan kiểm tra với các ban Đảng, cơ quan nội chính, thanh tra, tư pháp, bộ, ban, ngành, địa phương... từng bước hình thành nền tảng phân tích dữ liệu lớn (big data), hỗ trợ công tác ra quyết định, đánh giá rủi ro, phát hiện dấu hiệu vi phạm. Xây dựng mô hình “cơ quan kiểm tra số” với quy trình, dữ liệu, công cụ vận hành trên nền tảng số. Đổi mới phương pháp làm việc theo hướng số hóa quy trình, tài liệu; từng bước thực hiện kiểm tra trên dữ liệu, giám sát trên dữ liệu, tiến tới phân tích dữ liệu để phát hiện sớm vi phạm, hạn chế rủi ro trong công tác xây dựng Đảng.

- CHUYỂN TRẠNG THÁI: Việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên môi trường số phải dựa trên dữ liệu, ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Trung tâm phục vụ tác nghiệp của 6 nhóm đối tượng/5 đơn vị / thực hiện 3 nghiệp vụ chính.

## **IX. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Chuyển đổi số thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào con người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kiểm tra - những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chính trị. Để làm chủ công cuộc này, mỗi cán bộ, công chức ngành kiểm tra cần trang bị cho mình những năng lực mới, bổ sung những kỹ năng mới. Chúng ta cần có những nhóm năng lực chính sau:

## 1. Nhóm năng lực chung

Những kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin mà trước đây được xem chỉ là của các chuyên gia công nghệ thông tin như lập trình, quản trị dữ liệu, mạng internet thì chuyển đổi số trong mọi hoạt động đòi hỏi xem xét lại yêu cầu công việc và trở thành khung năng lực chung, sử dụng đại trà cho tất cả các vị trí ở các ngành nghề khác nhau trong công việc hằng ngày bao gồm:

(1) Kiến thức hiểu biết về thông tin, dữ liệu môi trường số: hiểu biết về máy tính cá nhân bao gồm phần cứng và các chương trình máy tính, các hệ thống mạng, nguyên lý vận hành mạng, các nguyên tắc bảo vệ thông tin;

(2) Khả năng trao đổi thông tin trong môi trường số: tương tác, chia sẻ thông tin, hợp tác thông qua công nghệ số;

(3) Khả năng làm việc với các hệ thống phân tích thông tin, quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số, xử lý, lưu trữ thông tin và dữ liệu số, làm việc với các hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin pháp lý;

(4) Khả năng giải quyết công việc trong trực liên thông văn bản điện tử giữa các cơ quan và tạo lập nội dung số;

(5) Khả năng bảo đảm an toàn thông tin môi trường số: an toàn và bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin, bảo vệ thiết bị, bảo vệ môi trường số;

(6) Khả năng giải quyết sự cố môi trường số: giải quyết vấn đề về kỹ thuật, xác định nhu cầu và đáp ứng của công nghệ, sáng tạo trong sử dụng các công nghệ số.

## 2. Nhóm năng lực chuyên môn

Năng lực chuyên môn bao gồm kiến thức, kỹ năng sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý các quá trình, các chương trình chuyển đổi số và giải quyết những vấn đề chuyên môn phức tạp trong môi trường số của một lĩnh vực chuyên môn cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ, đặc thù công việc chuyên môn tại mỗi vị trí, mỗi cơ quan, ngành, lĩnh vực. Năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức trong lĩnh vực phát triển số gồm:

(1) Sử dụng các công cụ quản lý: vận dụng các phương pháp chuyên ngành quản lý các quá trình, các chương trình, dự án chuyển đổi số trong hệ thống quản lý nhà nước; (2) Quản lý và sử dụng dữ liệu: hiểu biết và ứng dụng các phương pháp và công nghệ thu thập, phân tích dữ liệu chuyên ngành để thiết kế các mô hình tổ chức và quản lý mới, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chuyên ngành trong hệ thống quản lý nhà nước; (3) Quản lý phát triển số: hiểu biết và ứng dụng các phương pháp của quản lý chiến lược, quản lý kinh tế số và chính phủ số cũng như công cụ đánh giá mức độ phát triển số của hệ thống quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; (4) Ứng dụng các công nghệ số: hiểu biết là ứng dụng các phương pháp quản lý hệ thống công nghệ thông tin, các công cụ và phương pháp an

toàn thông tin trong hệ thống quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; (5) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin: hiểu biết là ứng dụng các công nghệ văn bản, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển các hệ thống bảo vệ dữ liệu trong cơ quan nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

### **3. Nhóm năng lực lãnh đạo, quản lý**

Hai yếu tố quan trọng nhất cho thành công của chuyển đổi số là lãnh đạo đúng đắn và văn hóa tổ chức hỗ trợ cho những thay đổi và những ai không sẵn sàng thay đổi tư duy và phương thức làm việc thì không thể thích ứng được với chuyển đổi số. Các nghiên cứu khác chỉ ra rằng chỉ số thông minh (IQ), chỉ số cảm xúc (EQ) không còn là đặc trưng đầy đủ của nhà lãnh đạo và do quá trình chuyển đổi số xuất hiện biến số mới như chỉ số chuyển đổi số (DQ), các phẩm chất cá nhân (PQ) có ảnh hưởng đến xác định phong cách và phẩm chất lãnh đạo, năng lực lãnh đạo số.

Nhà lãnh đạo chuyển đổi số là người đứng đầu tổ chức, có tầm nhìn, thiết lập được sứ mệnh cho tổ chức, có niềm tin là công nghệ số, chuyển đổi số giúp giải quyết những vấn đề từ nhỏ đến lớn của tổ chức mình, và kiên định với mục tiêu đặt ra. Nhà lãnh đạo chuyển đổi số không nhất thiết và không cần phải hiểu chuyên sâu về công nghệ số. Điều quan trọng nhất đối với nhà lãnh đạo là biết đặt ra bài toán.

Như vậy, những năng lực lãnh đạo truyền thống như tự tin, biết ứng xử, chuyên nghiệp, ra quyết định hiệu quả đòi hỏi ở mức độ cao hơn và phức tạp hơn trong bối cảnh chuyển đổi số trong khu vực công. Ngoài những năng lực chung và năng lực chuyên môn còn đòi hỏi phải có những năng lực của người lãnh đạo thực hiện cải cách số, chuyển đổi số sau:

(1) Có tầm nhìn và tư duy chiến lược. Lãnh đạo chuyển đổi số được xem là người có tầm nhìn, tạo dựng bức tranh tổng thể về chiến lược phát triển của tổ chức, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ, kiến tạo thể chế, xác định cách tiếp cận để thiết lập và hình thành logic của hành động, đánh giá và xác định đúng về sự tác động qua lại và lợi ích của các bên liên quan tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

(2) Năng lực thực hiện đổi mới sáng tạo, linh hoạt với sự thay đổi, khả năng thích ứng nhanh. Lãnh đạo trong kỷ nguyên số để đạt được thành công cần sẵn sàng thay đổi tư duy và dẫn dắt sự thay đổi, áp dụng cách tiếp cận mới, chủ động tìm kiếm các sáng kiến chuyển đổi số, đặc biệt là trong vấn đề hoạch định chiến lược, chính sách chuyển đổi số tối ưu nhất và ra quyết định quản lý liên quan đến thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, cải tiến, tái cấu trúc các quy trình nghiệp vụ và tạo ra những sản phẩm dịch vụ số mới trong hệ thống quản lý nhà nước. Nhà lãnh đạo trong kỷ nguyên số cần có tư duy phân tích, tư duy hệ thống và tư duy phản biện ở mức độ cao, biết nhận ra bản chất vấn đề, biết xem xét vấn đề từ nhiều góc độ, biết mở rộng vấn đề, liên kết vấn đề, có khả

năng suy nghĩ trên nhiều phương án, tính đến những vấn đề không dự báo hết được trong bối cảnh luôn có sự thay đổi, bất định và phức tạp.

(3) Năng lực quản lý nhân sự phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số. Đó là mở rộng quyền và tạo sự tự do sáng tạo cho nhân viên để họ mạnh dạn đề xuất và thực hiện các thử nghiệm mới. Thay đổi văn hóa tổ chức, đề cao tính cá nhân, hướng nhân viên tới kết quả công việc, tạo động lực, trách nhiệm, cảm hứng, gây ảnh hưởng tốt với nhân viên, biết phát huy tiềm năng, năng lực của nhân viên, biết hợp tác thực hiện cơ chế phản hồi, biết phát triển nhân viên, phát triển nhóm, chú trọng và sử dụng các phương pháp linh hoạt trong đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển năng lực cho nhân viên và nhóm. Lãnh đạo trong kỷ nguyên số không chấp nhận những nhân viên không sẵn sàng thay đổi và tự phát triển. Lãnh đạo cần phải biết làm thế nào và khi nào hành động, hỗ trợ, phát triển, giúp đỡ nhân viên hình thành và phát triển năng lực số, tạo dựng niềm tin, thu hút sự tham gia và ủng hộ tích cực của nhân viên trong quá trình chuyển đổi số, phát triển khả năng sẵn sàng của CBCC cùng thay đổi, dành nhiều thời gian hơn cho chiến lược phát triển tài năng. Việc đánh giá nhân viên không chỉ đánh giá về kết quả, hiệu quả mà còn ở khả năng đổi mới, sáng tạo.

(4) Bản thân người lãnh đạo phải trở thành là tấm gương đi tiên phong, mạnh mẽ trong việc khai thác những ưu thế và tích cực trong thực hiện chiến lược chuyển đổi số trong tổ chức, biết phân tích và sử dụng dữ liệu theo cách tối ưu nhất. Lãnh đạo số phải biết chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số, biết đánh giá, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, rút kinh nghiệm từ những thất bại của cải cách số, xác định điều kiện bảo đảm để biến thất bại thành động lực hướng tới thành công.

## **X. GIÁM SÁT TRÊN DỮ LIỆU, KIỂM TRA TRÊN DỮ LIỆU**

### **1. Sự cần thiết và mục tiêu**

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và các yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng cần được đổi mới mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu số để nâng cao hiệu quả. Phương thức "giám sát trên dữ liệu và kiểm tra trên dữ liệu" là một yêu cầu tất yếu nhằm:

- Nâng cao năng lực và hiệu quả: Giúp Ủy ban Kiểm tra các cấp chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm, bất thường thông qua phân tích dữ liệu, thay vì chủ yếu dựa vào kiểm tra trực tiếp.

- Đảm bảo khách quan, chính xác: Dựa trên các dữ liệu số "đúng, đủ, sạch, sống" để đưa ra đánh giá, kết luận, hạn chế yếu tố chủ quan.

- Tăng cường tính đồng bộ, liên thông: Góp phần xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chung, kết nối giữa các cơ quan, đơn vị, tạo sự minh bạch và phối hợp hiệu quả.

- Thúc đẩy chuyên đổi số toàn diện: Đẩy nhanh quá trình số hóa các quy trình, tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ trong ngành Kiểm tra Đảng, tiến tới một nền hành chính số, đảng số.

## **2. Các nguyên tắc cơ bản**

- Dựa trên dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống": Đảm bảo dữ liệu được thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác và có thể khai thác được.

- Liên thông, đồng bộ: Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phải có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp, các ngành, đặc biệt trong hệ thống chính trị.

- Bảo mật và an toàn thông tin: Dữ liệu sử dụng trong công tác kiểm tra, giám sát phải được bảo vệ nghiêm ngặt, tuân thủ các quy định về an toàn thông tin mạng.

- Minh bạch và công khai (trong khuôn khổ cho phép): Kết quả phân tích dữ liệu và các quy trình liên quan cần được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình: Người đứng đầu các đơn vị, bộ phận liên quan đến dữ liệu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu.

## **3. Nội dung triển khai**

### **3.1. Chuẩn bị và phát triển nền tảng**

- Rà soát, xây dựng, bổ sung các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn triển khai sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trên môi trường số.

- Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng trên môi trường số, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và tính năng của các nền tảng số.

### **3.2. Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu**

- Số hóa tài liệu hiện hành: Tập trung số hóa hồ sơ, giấy tờ, tài liệu phục vụ việc triển khai trên môi trường số. Đặc biệt lưu ý công tác bàn giao hồ sơ dữ liệu cấp quận/huyện trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Cập nhật dữ liệu thường xuyên: Đảm bảo 100% tài liệu, hồ sơ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được cập nhật vào phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và lập báo cáo thống kê.

### **3.3. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ công chức**

Hoàn thành các giai đoạn cần thiết trong năm 2025 để đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, sử dụng chung".

### **3.4. Kết nối, chia sẻ dữ liệu**

Phối hợp với các cơ quan liên quan (như Bộ Công an) để rà soát, nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

### **3.5. Phát triển và tích hợp ứng dụng số**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

- Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối cơ quan Đảng.

## **4. Thực hiện "Giám sát trên dữ liệu và kiểm tra trên dữ liệu"**

### **4.1. Giám sát trên dữ liệu**

- Thu thập và tổng hợp dữ liệu: Liên tục thu thập dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, cũng như các dữ liệu về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Đảng (ví dụ: Nghị quyết 57, Đề án 204).

- Phân tích dữ liệu: Sử dụng các công cụ và kỹ thuật phân tích dữ liệu để xác định các xu hướng, mẫu hình, điểm bất thường hoặc dấu hiệu rủi ro, vi phạm.

- Xây dựng các chỉ số giám sát: Phát triển các chỉ số định lượng và định tính dựa trên dữ liệu để đánh giá hiệu quả hoạt động và tuân thủ quy định.

- Báo cáo và cảnh báo tự động: Xây dựng hệ thống báo cáo định kỳ và cảnh báo tự động khi phát hiện các ngưỡng hoặc dấu hiệu bất thường, cung cấp thông tin kịp thời cho lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra.

### **4.2. Kiểm tra trên dữ liệu**

- Xác định đối tượng kiểm tra dựa trên dữ liệu: Sử dụng kết quả giám sát trên dữ liệu để khoanh vùng, xác định các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hoặc có rủi ro cao để tiến hành kiểm tra trọng tâm.

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu số: Trực tiếp truy cập và kiểm tra các hồ sơ, tài liệu, văn bản, giao dịch được số hóa trên hệ thống.

- Đối chiếu, xác minh dữ liệu: So sánh, đối chiếu dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau để xác minh tính chính xác, nhất quán của thông tin.

- Phỏng vấn và làm việc dựa trên thông tin dữ liệu: Sử dụng các thông tin, bằng chứng từ dữ liệu để đặt câu hỏi, làm rõ vấn đề trong quá trình làm việc với các đối tượng kiểm tra.

- Lập biên bản, kết luận kiểm tra dựa trên dữ liệu: Các phát hiện, kết luận kiểm tra phải có căn cứ rõ ràng từ dữ liệu đã phân tích, xác minh.

### **5. Đào tạo, bồi dưỡng và nguồn nhân lực**

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ kiểm tra về công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin mạng và các kỹ năng mới phục vụ công tác "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu".

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ sung nguồn lực có chuyên môn về công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng.

### **6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

- Ủy ban Kiểm tra các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số và triển khai "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu" tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

- Các vụ, đơn vị chức năng thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra các cấp chủ động phối hợp, tham mưu, đề xuất các giải pháp để triển khai hiệu quả phương thức này.

- Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định.

## **XI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH**

1. Hệ thống quản lý hồ sơ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và lập báo cáo thống kê;

2. Quản lý đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh;

3. Hệ thống theo dõi, tổng hợp báo cáo của các cơ quan tham mưu, vụ chuyên đề;

4. Hệ thống quản lý thông tin cán bộ công chức, công tác thi đua - khen thưởng Ngành Kiểm tra Đảng.

*(Có tài liệu hướng dẫn sử dụng các phần mềm kèm theo).*

## **XII. KẾT LUẬN**

Chuyển đổi số trong Ngành Kiểm tra Đảng không chỉ là yêu cầu khách quan của thời đại mà còn là động lực then chốt để đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm AI vụ chính trị trong bối cảnh mới. Việc ứng dụng công nghệ số, lấy dữ liệu làm trung tâm, con người làm chủ thể, góp phần hiện đại hóa tổ chức bộ máy, tinh gọn quy trình, nâng cao tính minh bạch, hiệu lực và hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng.

Chuyên đề đã hệ thống hóa gồm 4 nội dung cốt lõi và 6 định hướng chiến lược trong thời gian tới:

- Nội dung cốt lõi: (1) Làm rõ khái niệm, bản chất và vai trò của chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng; (2) Phân tích các mục tiêu, nội dung trọng tâm và các mô hình nghiệp vụ gắn với chuyển đổi số; (3) Xác định các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, từ đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế đến đầu tư hạ tầng, phát triển ứng dụng và nâng cao năng lực đội ngũ; (4) Đề xuất các nhóm năng lực cần thiết đối với cán bộ kiểm tra trong thời kỳ chuyển đổi số.

- Định hướng chiến lược trong thời gian tới: (1) Tiếp tục quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 204-QĐ/TW, các kế hoạch hành động của UBKT Trung ương; (2) Hoàn thiện khung thể chế và các quy trình nghiệp vụ số trong toàn ngành, gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính nội bộ; (3) Phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hệ thống phần mềm dùng chung, nền tảng tích hợp, cơ sở dữ liệu thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; (4) Đẩy mạnh số hóa toàn diện hồ sơ, dữ liệu ngành Kiểm tra Đảng; từng bước hình thành kho dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ phân tích, đánh giá, ra quyết định chính xác, kịp thời; (5) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra có tư duy số, kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; (6) Xây dựng mô hình "Cơ quan kiểm tra số", phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, lấy dữ liệu làm cơ sở, công nghệ làm công cụ và con người làm trung tâm của mọi cải tiến.

Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu phải chuyển từ phương thức thủ công sang phương thức quản lý, điều hành dựa trên nền tảng dữ liệu số; từ xử lý vụ việc riêng lẻ sang phân tích, dự báo và kiểm tra, giám sát trên cơ sở thông tin số hóa, chính xác, kịp thời. Chỉ khi nắm bắt kịp thời xu thế chuyển đổi số, ngành Kiểm tra Đảng mới có thể tiếp cận, kiểm soát và dẫn dắt các nguy cơ sai phạm ngay từ sớm, từ xa, góp phần ngăn ngừa, hạn chế vi phạm trong Đảng một cách chủ động, hiệu quả.

Với quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy các cấp, cùng với sự vào cuộc đồng bộ, toàn diện của toàn hệ thống chính trị, ngành Kiểm tra Đảng có đầy đủ điều kiện và cơ sở để từng bước đổi mới tư duy, phương pháp, quy trình và công cụ làm việc, tiến tới hiện đại hóa toàn diện hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng. Đây chính là trách nhiệm, là niềm tin và cũng là khát vọng chính đáng của toàn ngành Kiểm tra Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Đảng trong tình hình mới.

## C. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH

**Câu hỏi 1:** Vì sao cần chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng?

Trả lời:

Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu để hiện đại hóa tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, trong đó ngành Kiểm tra Đảng là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ Đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương. Chuyển đổi số giúp:

- Tăng hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật;
- Rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tính chính xác, minh bạch;
- Tạo kho dữ liệu dùng chung, hỗ trợ phân tích, giám sát trên dữ liệu;
- Gắn kết hoạt động kiểm tra với yêu cầu xây dựng Đảng trong tình hình mới.

**Câu hỏi 2:** Nội dung cốt lõi trong chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng là gì?

Trả lời:

Có 5 nội dung cốt lõi:

- Số hóa dữ liệu, hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ;
- Xây dựng nền tảng phần mềm quản lý, điều hành tác nghiệp kiểm tra số;
- Kết nối, liên thông dữ liệu giữa các cấp ủy, UBKT các cấp và các cơ quan;
- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và bảo mật;
- Nâng cao năng lực số cho cán bộ ngành Kiểm tra Đảng.

**Câu hỏi 3:** Những khó khăn, thách thức lớn nhất trong chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng hiện nay là gì?

Trả lời:

Một số khó khăn lớn:

- Nhận thức chưa đồng đều, chưa xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ gắn với chuyên môn;
- Thiếu thể chế, quy trình nghiệp vụ tương thích với môi trường số;
- Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm chưa đồng bộ, dữ liệu chưa chuẩn hóa;
- Năng lực cán bộ CNTT còn hạn chế, thiếu nhân lực chuyên trách tại chỗ.

**Câu hỏi 4:** UBKT Trung ương đã có những chỉ đạo cụ thể nào về chuyển đổi số?

Trả lời:

- UBKT Trung ương đã ban hành một loạt kế hoạch chỉ đạo triển khai, cụ thể:

- Kế hoạch số 222-KH/UBKTTW ngày 24/3/2025: triển khai chuyên đổi số toàn ngành;

- Ban hành Quy trình nghiệp vụ lỗi công tác kiểm tra, giám sát áp dụng trên môi trường số.

- Đã tổ chức khảo sát, đánh giá thực tiễn tại nhiều tỉnh để hoàn thiện mô hình “UBKT số”.

**Câu hỏi 5:** Mô hình “UBKT số” là gì? Có điểm gì nổi bật?

Trả lời:

Mô hình “UBKT số” là cách tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng trên môi trường số, dựa trên 4 trụ cột:

- Dữ liệu số hóa đầy đủ - cập nhật liên tục;
- Phần mềm nghiệp vụ dùng chung - liên thông nhiều cấp;
- Tác nghiệp trực tuyến - quy trình kiểm tra điện tử hóa;
- Báo cáo - giám sát - điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.

#### **D.TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.
2. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
3. Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
4. Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.
5. Các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng năm 2024, ngày 19/12/2024; Hội nghị bàn giao công tác Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ngày 07/02/2025; Thông báo số 207-TB/VPTW, ngày 27/5/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.
6. Quyết định số 333-QĐ/TW ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0.
7. Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/06/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về “thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”.

8. Các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

9. Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025 về triển khai thực hiện Chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

10. Kế hoạch số 222-KH/UBKTTW, ngày 24/3/2025 về Chuyển đổi số tổng thể Ngành Kiểm tra Đảng.

11. Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW, ngày 04/4/2025 về giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

12. Kế hoạch số 227-KH/UBKTTW, ngày 23/4/2025 về giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

13. Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 về triển khai thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng (*Thông báo số 207-TB/VPTW, ngày 27/5/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng*).

14. Quyết định số 1951-QĐ/UBKTTW, ngày 14/4/2025 ban hành quy trình nghiệp vụ lỗi công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trên môi trường số.

15. Sổ tay những nội dung cơ bản về chuyển đổi số hỏi và đáp (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật).

16. Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng 6 tháng đầu năm 2025.

17. Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023;

18. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006;

19. Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26/11/2011;

20. Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19/11/2015;

21. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018;

22. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018.